



**TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THU VIỆN QUÂN ĐỘI**

- 0800 -



THU MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{4}{2021}$

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 4 - 2021.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Hà Nội
Điện thoại: 069.554556
Email: Thuvienquandoi@mail.bqp
Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 4/2021 giới thiệu 386 tài liệu bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 06 tài liệu
- Triết học và tâm lý học: 11 tài liệu
- Khoa học xã hội: 195 tài liệu
- Công nghệ: 28 tài liệu
- Nghệ thuật và giải trí: 08 tài liệu
- Văn học: 94 tài liệu
- Lịch sử và địa lý: 44 tài liệu

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *An toàn thông tin khi sử dụng mạng xã hội.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2021. - 199tr.; 21cm.

005.8 A105T/M.0176921 - M.0176922; MP.0036901; VN.0081866 - VN.0081867

002. *Đổi mới quản lý thư viện hiện đại tại Việt Nam/ Nguyễn Văn Thiên.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 284tr.; 21cm.

027.09597 Đ452M/M.0176905 - M.0176906; MP.0036887 - MP.0036888; VN.0081848 - VN.0081849

003. *Đường vào phóng sự báo chí - Để đi thôi mà/ Ngọc Trân.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 197tr.; 21cm.

070.4 Đ561V/M.0177519 - M.0177520; MP.0037424 - MP.0037425

004. *Góp phần xây dựng đạo đức, văn hóa trong Đảng:* Tuyển tập chuyên luận báo chí về xây dựng, chỉnh đốn Đảng/ *Nguyễn Văn Hải.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 284tr.; 21cm.

070.4493242597075 G434P/LC.0015566 - LC.0015567; M.173571; VN.0080741 - VN.0080742

005. *Một số giải pháp đảm bảo an toàn cho học sinh khi sử dụng internet/ Biên soạn: Nguyễn Tiến Xuân, Hoàng Thanh Nam, Nguyễn Thị Loan.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2021. - 159tr.; 21cm.

004.678 M458S/M.0176919 - M.0176920; MP.0036900; VN.0081864 - VN.0081865

006. *Thư mục chuyên đề xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị/ Trần Thị Bích Huệ chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 606tr.; 24cm.

016.355009597 Th550M/LCV.0002382; M.174281 - M.174282 - M.174283; MP.0034886 - MP.0034887

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

150 – Tâm lý học

007. *Bài học về lòng biết ơn: Sự ám áp của tình người.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 184tr.; 21cm.

158.1 B103H/LC.0015769 - LC.0015770

008. Bài học về sự giúp đỡ: Hạnh phúc là cho đi. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 176tr.; 21cm.

158.1 B103H/LC.0015773 - LC.0015774

009. Bài học về sự hy sinh: Cảm ơn mẹ. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 176tr.; 21cm.

158.1 B103H/LC.0015767 - LC.0015768

010. Bài học về sự quan tâm: Chúng tôi cần bạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 180tr.; 21cm.

158.1 B103H/LC.0015775 - LC.0015776

011. Bài học về tính tự giác: Giá trị của việc học tập không ngừng. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 180tr.; 21cm.

158.1 B103H/LC.0015771 - LC.0015772

012. Bhutan - Đường tới hạnh phúc/ Linda Leaming; Nguyễn Thùy Trang dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 359tr.; 20cm.

158.1 Bh522Đ/M.0176726 - M.0176727; MP.0036724 - MP.0036725

013. Lạc quan hay cười đời ắt thêm tươi/ Yukimasa Kinjo; Hồng Hoa dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 261tr.; 20cm.

158.1 L101Q/M.0176730 - M.0176731; MP.0036728 - MP.0036729

014. Những lời răn của Abai/ Ng.dịch: Đoàn Danh Nghiệp, Lê Đức Mẫn. - H.: Văn học, 2020. - 311tr.; 21cm.

179 Nh556L/M.0177359

015. Sống như một chú mèo/ Stephane Garnier; Khánh Tiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 265tr.; 21cm.

158.1 S455N/M.0177368 - M.0177369; MP.0037253 - MP.0037254

016. Suy tưởng/ Blaise Pascal; Quách Đình Đạt dịch. - Tái bản lần 1. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 391tr.; 21cm.

188 S522T/M.0177236 - M.0177237; MP.0037143 - MP.0037144

017. Trò chuyện với thượng đế/ Mitsuro Sato; Trịnh Thúy Hương dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 457tr.; 21cm.

158.1 Tr400C/M.0177279 - M.0177280; MP.0037165 - MP.0037166

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

018. Châu Á và khu vực từ góc nhìn xã hội học/ Kazutaka Hashimoto. - H.: Thanh niên, 2020. - 165tr.; 24cm.

**301 Ch125A/M.0177266 - M.0177267; MP.0037155 - MP.0037156;
VV.0018310 - VV.0018311**

019. *Cùng kiến tạo không gian văn hóa/ Phạm Phương Thảo.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 259tr.; 21cm.

306.09597 C513K/M.0177527 - M.0177528; MP.0037430 - MP.0037431

020. *Giới tính hoa quyền lực/ C. Wright Mills; Nguyễn Thành Châu dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 566tr.; 24cm.

305.520973 Gi-462T/M.0177256 - M.0177257; MP.0037147 - MP.0037148

021. *Một cuốn sách không về Cô Vy/ Trang CHO.* - H.: Thanh niên, 2020. - tr.; 15cm.

303.4850222 M458C/M.0177250 - M.0177251

022. *Miền Tây dung dị/ Dương Út.* - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 231tr.; 21cm.

302.0959789 M305T/M.0177529 - M.0177530; MP.0037432 - MP.0037433

023. *Nghịch lý quyền lực: Tận hưởng là đánh mất/ Dacher Keltner; Trần Trọng Hải Minh dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 258tr.; 20cm.

303.3 Ngh302L/M.0177374 - M.0177375; MP.0037259 - MP.0037260

024. *Nâng cao chất lượng bài giảng các môn khoa học xã hội và nhân văn của giảng viên ở các trường đại học trong quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ Thân Văn Quân.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 112tr.; 21cm.

**300.711597 N122C/LC.0015575; M.0177820 - M.0177821; MP.0037710;
VN.0082380 - VN.0082381**

025. *Tìm hiểu văn hóa làng và nhân cách người Việt/ Nguyễn Đắc Hưng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 368tr.; 21cm.

**306.09597 T310H/LC.0015439 - LC.0015440; M.0177336 - M.0177337 -
M.0177338; MP.0037238 - MP.0037239**

320 - Khoa học Chính trị

026. *Bản sắc: Nhu cầu phẩm giá và chính trị phần nộ: Sách tham khảo/ Francis Fukuyama.* - ĐN: Đà Nẵng, 2020. - 253tr.; 24cm.

320.019 B105S/M.0177273 - M.0177274; MP.0037161 - MP.0037162

027. *Bàn về khế ước xã hội/ Jean-Jacques Rousseau; Hoàng Thanh Đạm dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 309tr.; 21cm.

320.11 Kh250U/M.0177228 - M.0177229; MP.0037129 - MP.0037130

028. *Cuộc chiến vương quyền: Sách tham khảo/ Biên soạn: Lê Ngọc, DSC.* - H.: Dân trí, 2020. - 474tr.; 20cm.

029. Đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc với việc giữ vững chủ quyền quốc gia: Sách chuyên khảo/ *Phạm Thị Hoàng Hà chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 95tr.; 21cm.

320.12095971 Đ455B/LC.0015750 - LC.0015751

030. Lịch sử các học thuyết chính trị/ Đồng chủ biên: Nguyễn Đăng Dung, Lê Thị Thanh Lai. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 513tr.; 24cm.

**320.01 L302S/M.176481 - M.176482; MP.0036494 - MP.0036495;
VV.0018088 - VV.0018089**

324 – Quá trình chính trị

031. Công tác Đảng, công tác chính trị của Học viện Hậu cần trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1975 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 328tr.; 21cm.

324.2597075 C455T/LC.0015683

032. Công tác Đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Học viện Hậu cần (1962 - 2014)/ Lê Thành Long chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 288tr.; 21cm.

324.2597075 C455T/LC.0015682

033. Đấu tranh phản bác các quan điểm phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam/ Nguyễn Văn Quang chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 220tr.; 21cm.. - (Sách kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (3.2.1930 - 3.2.2020))

**324.2597075 Đ125T/LC.0015562 - LC.0015563; M.175564 - M.175565;
MP.0035757; VN.0081240 - VN.0081241**

034. Đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, phản động hiện nay: Sách tham khảo/ *Nguyễn Bá Hùng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 218tr.; 21cm.

**324.2597075 Đ125T/LC.0015760 - LC.0015761; M.0177802 - M.0177803;
MP.0037697; VN.0082364 - VN.0082365**

035. Hướng dẫn hoạt động của cấp ủy, các ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương trong xây dựng, hoạt động khu vực phòng thủ. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 220tr.; 19cm.

**324.2597075 H561D/LC.0015599 - LC.0015600; MP.0036646 -
MP.0036647; VN.0081742 - VN.0081743**

036. Lịch sử Đảng bộ Bệnh viện Quân y 175 (1975 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 465tr.; 24cm.

**324.2597075 L302S/LCV.0002369 - LCV.0002370; MP.0036858 -
MP.0036859; VV.0018255 - VV.0018256**

037. *Lịch sử Đảng bộ Bệnh viện Quân y 103 (1950 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 468tr.; 22cm.

324.2597075 L302S/LC.0015694; MP.0037215 - MP.0037216; VN.0082028 - VN.0082029

038. *Lịch sử Đảng bộ Bộ tham mưu Hải quân (1959 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 614tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015867; MP.0037296 - MP.0037297; VN.0082088 - VN.0082089

039. *Lịch sử Đảng bộ Học viện Hải quân (1955 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 296tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0002466 - LCV.0002467; MP.0037622 - MP.0037623; VV.0018512 - VV.0018513

040. *Lịch sử Đảng bộ Lữ đoàn 127 (1978 - 2020)/ Lê Văn Hưởng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 365tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015736; MP.0037650 - MP.0037651; VN.0082330 - VN.0082331

041. *Lịch sử Đảng bộ Lữ đoàn Pháo binh 382 (1980 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 516tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015721; MP.0037228; VN.0082044 - VN.0082045

042. *Lịch sử Đảng bộ quân sự huyện Tiên Lữ (1947 - 2020)/ Nguyễn Đức Châm biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 472tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015886; MP.0037353 - MP.0037354; VN.0082140 - VN.0082141

043. *Lịch sử Đảng bộ Sư đoàn 346 (1978 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 526tr.; 22cm.

324.2597075 L302S/LC.0015731; MP.0037632 - MP.0037633; VN.0082314 - VN.0082315

044. *Lịch sử Đảng bộ Sư đoàn 3 (1965 - 2020)/ Dương Văn Quang,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 654tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0002360; MP.0036588 - MP.0036589; VV.0018195 - VV.0018196

045. *Lịch sử Đảng bộ Tổng công ty Thái Sơn (1991 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 177tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0002462 - LCV.0002463; MP.0037626 - MP.0037627; VV.0018516 - VV.0018517

046. *Lịch sử Đảng bộ Trung tâm Bảo đảm kỹ thuật 354 (1990 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 194tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015369; MP.0037231 - MP.0037232; VN.0082048 - VN.0082049

047. *Lịch sử Đảng bộ Vùng 4 Hải quân (1975 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 369tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015340; MP.0036947 - MP.0036948; VN.0081920 - VN.0081921

048. *Lịch sử Đảng bộ Vùng 1 Hải quân (1975 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 579tr.; 22cm.

324.2597075 L302S/LC.0015426; MP.0036942 - MP.0036943; VN.0081912 - VN.0081913

049. *Lịch sử Đảng bộ Vùng 5 Hải quân (1975 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 344tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0002379; MP.0037202 - MP.0037203; VV.0018334 - VV.0018335

050. *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân phường 11 quận Gò Vấp (1930 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 291tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015338 - LC.0015339; MP.0036612 - MP.0036613; VN.0081706 - VN.0081707

051. *Sổ tay Bí thư Chi đoàn đại đội.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 150tr.; 21cm.

324.2597014 S450T/LC.0015754 - LC.0015755; M.0177812 - M.0177813; MP.0037703; VN.0082372 - VN.0082373

052. *Tiến trình nhận thức của Đảng cộng sản Trung Quốc về tôn giáo từ năm 1949 đến nay: Sách chuyên khảo/ Phạm Thanh Hằng.* - H.: Lý luận chính trị, 2020. - 298tr.; 24cm.

324.251075 T305T/M.176475 - M.176476; MP.0036493; VV.0018082 - VV.0018083

053. *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1975 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 734tr.; 22cm.

324.2597075 T455K/LC.0015692 - LC.0015693; M.0176981 - M.0176982; VN.0081910 - VN.0081911

054. *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1989 - 2016).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 295tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/LC.0015081 - LC.0015082; MP.0037302 - MP.0037303; VN.0082094 - VN.0082095

055. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Binh chủng Tăng thiết giáp (1959 - 2014). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 400tr.; 21cm.
324.2597075 T455K/LC.0015435

056. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Học viện Kỹ thuật quân sự (1966 - 2014). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 415tr.; 21cm.
324.2597075 T455K/LC.0015727; MP.0036871 - MP.0036872; VN.0081829 - VN.0081830

057. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Quân đoàn 3 (1953 - 1979). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 352tr.; 21cm.
324.2597075 T455K/LC.0015739; MP.0037336 - MP.0037337; VN.0082122 - VN.0082123

058. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Quân đoàn 4 (1977 - 1989). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 244tr.; 21cm.
324.2597075 T455K/LC.0015277; MP.0036950 - MP.0036951; VN.0081926 - VN.0081927

059. Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc giai đoạn 1946 - 1956. - H.: Chính trị quốc gia, 2020; 22cm.
T.1: Khu ủy I, khu ủy X, khu ủy XII, khu ủy XIV, liên khu ủy X (1946 - 1948) . - 945tr.
324.2597075 V115K/M.0177074 - M.0177075; MP.0037001; VN.0081952 - VN.0081953

T.2: Liên khu ủy X (1949) . - 1151tr.
324.2597075V115K/M.0176830 - M.0176831; MP.0036814; VN.0081775 - VN.0081776

T.3: Liên khu ủy I (1948) . - 827tr.
324.2597075 V115K/M.0177068 - M.0177069; MP.0036998; VN.0081946 - VN.0081947

T.4: Liên khu ủy I (1949) . - 835tr.
324.2597075V115K/M.0176832 - M.0176833; MP.0036815; VN.0081777 - VN.0081778

T.5: Liên khu ủy Việt Bắc (1949 - 1950) . - 827tr.
324.2597075V115K/M.0176834 - M.0176835; MP.0036816; VN.0081779 - VN.0081780

T.6 : Liên khu ủy Việt Bắc (1951 - 1952) . - 947tr.
324.2597075 V115K/M.0177070 - M.0177071; MP.0036999; VN.0081948 - VN.0081949

T.7 : Liên khu ủy Việt Bắc (1953) . - 805tr.

324.2597075 V115K/M.0177072 - M.0177073; MP.0037000; VN.0081950 - VN.0081951

T.8 : Liên khu ủy Việt Bắc (1954) . - 923tr.

324.2597075 V115K/M.0177063 - M.0177064; MP.0036996; VN.0081942 - VN.0081943

T.9 : Liên khu ủy Việt Bắc (1955 - 1956) . - 985tr.

324.2597075 V115K/M.0177066 - M.0177067; MP.0036997; VN.0081944 - VN.0081945

328 – Quá trình lập pháp

060. *Lịch sử Quốc hội Việt Nam/ Lê Mậu Hãn chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2016; 24cm

T.1: 1946 - 1960. - 419tr.

328.597 L302S/M.0177053 - M.0177054; V 15321 - V 15322

T.2: 1960 - 1976. - 535tr.

328.597 L302S/M.0177055 - M.0177056; V 15323 - V 15324

T.3: 1976 - 1992. - 639tr.

328.597 L302S/M.0177057 - M.0177058; V 15325 - V 15326

T.4: 1992 - 2011. - 895tr.

328.597 L302S/M.0177059 - M.0177060; V 15327 - V 15328

330 – Kinh tế học

062. *Bong bóng kinh tế và làn sóng vỡ nợ quốc gia/ Michael Lewis; Khánh Trang dịch.* - Tái bản lần 4. - H.: Lao động - xã hội, 2020. - 330tr.; 21cm.

330.90511 B431B/M.0177244 - M.0177245; VN.0082018 - VN.0082019

063. *Kỷ yếu Phong trào công nhân Việt Kiều yêu nước các đồn điền cao su Campuchia/ Bùi Tổng Hoàng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 377tr.; 21cm

331.11978209596 K600Y/LC 13485 - LC 13486; VN.0082037

064. *Tư bản thế kỷ 21/ Thomas Piketty; Ng.dịch: Trần Thị Kim Chi, Hoàng Thạch Quân.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 805tr.; 23cm.

330.11209 T550B/M.0177339 - M.0177340; VV.0018339 - VV.0018340

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan

065. Bác Hồ - Một mẫu mực về sự giản dị, khiêm tốn. - H.: Dân trí, 2021. - 199tr.; 19cm.. - (Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh)
335.4346 B101H/M.0176808 - M.0176809; MP.0036797; VN.0081764 - VN.0081765

066. Bài học dựa vào dân/ Tư tưởng, tuyển chọn: Phan Thị Ánh Tuyết, Đặng Thị Mai Anh. - H.: Dân trí, 2021. - 199tr.; 21cm.. - (Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh)
335.4346 B103H/M.0176790 - M.0176791; MP.0036781; VN.0081760 - VN.0081761

067. Chu đáo, lịch sự, tế nhị - Bài học bác dạy/ Tư tưởng, tuyển chọn: Phan Thị Ánh Tuyết, Đặng Thị Mai Anh. - H.: Dân trí, 2021. - 199tr.; 21cm.. - (Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh)
335.4346 Ch500Đ/M.0176788 - M.0176789; MP.0036780; VN.0081758 - VN.0081759

068. Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh soi sáng con đường cách mạng Việt Nam/ Nguyễn Trọng Nghĩa. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 364tr.; 24cm.
335.4346 D300C/M.172543 - M.172544; MP.0037200 - MP.0037201; V.0017010 - V.0017011

069. Giữ vững và phát huy phẩm chất "Bộ đội cụ Hồ" thời kỳ mới: Tài liệu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 52tr.; 19cm.
335.4346 Gi-550V/LC.0015603 - LC.0015604

070. Hồ Chí Minh - Một nhân cách hoàn hảo/ Nguyễn Văn Khoan biên soạn. - H.: Dân trí, 2021. - 199tr.; 19cm.
335.4346 H450C/M.0176798 - M.0176799; MP.0036788; VN.0081762 - VN.0081763

071. Phép biện chứng duy vật - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Phan Mạnh Toàn, Trần Sỹ Dương. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 194tr.; 21cm.
335.4112 Ph206B/LC.0015752 - LC.0015753

072. Thư gửi thanh niên: Tuyển chọn các bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên/ *Hồ Chí Minh*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 302tr.; 21cm.. - (Di sản Hồ Chí Minh)
335.4346 Th550G/M.0176868 - M.0176869; MP.0036846 - MP.0036847; VN.0081815 - VN.0081816

073. Tư tưởng Hồ Chí Minh - Tầm vóc, giá trị và ý nghĩa/ Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Bá Duy. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 260tr.; 21cm.

335.4346

T550T/LC.0015556 - LC.0015557

338 – Sản xuất

074. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn Quân khu 7 hiện nay/ Ngô Văn Duy. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 199tr.; 21cm.

338.74909597

C450P/LC.0015516 - LC.0015517; M.0177459 - M.0177460;

MP.0037368; VN.0082152 - VN.0082153

075. Điều chỉnh chính sách chính trị, xã hội của Nhật Bản trong giai đoạn Thủ tướng Shinzo Abe cầm quyền lần thứ 2: Sách chuyên khảo/ Phan Cao Nhật Anh chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 375tr.; 21cm.

338.952

Đ309C/M.0177240 - M.0177241; VN.0082014 - VN.0082015

076. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh ở các tỉnh biên giới phía Bắc: Sách chuyên khảo/ Lê Văn Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 211tr.; 21cm.

338.909597

Ph110T/LC.0015447 - LC.0015448

077. Thẻ chế vượt trội để phát triển vùng - Kinh nghiệm Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp, Canada và đề xuất chính sách cho Việt Nam/ Nguyễn Duy Lợi chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 271tr.; 21cm.

338.9

Th250C/M.0177242 - M.0177243; VN.0082016 - VN.0082017

078. Tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Phùng Thế Đông, Nguyễn Thị Hồng Nhâm. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 228tr.; 21cm.

338.604109597

T307C/LC.0015568 - LC.0015569; M.175475 - M.175476 -

M.175477; VN.0081172 - VN.0081173

340 – Luật pháp

079. Pháp luật tố tụng hình sự với việc bảo vệ quyền con người/ Nguyễn Văn Tuấn. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 608tr.; 24cm.

345.597

Ph109L/M.176483 - M.176484; MP.0036496 - MP.0036497;

VV.0018090 - VV.0018091

080. Quyền sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn/ Nguyễn Thành Luân. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 215tr.; 21cm.

346.5970432

Qu603S/LC.0015404 - LC.0015405; M.0176897 - M.0176898;

MP.0036883; VN.0081841 - VN.0081842

081. *Tìm hiểu Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân/ Quách Dương.* - H.: Tư pháp, 2021. - 118tr.; 19cm.

342.5970702638 T310H/M.0176860 - M.0176861; MP.0036838 - MP.0036839

343 – *Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại, công nghiệp*

082. *Các văn bản quy phạm pháp luật về lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 244tr.; 21cm.

Q.4

343.59701997 C101V/LC.0015406 - LC.0015407; M.0177331 - M.0177332; MP.0037233; VN.0082050 - VN.0082051

083. *Các văn bản về chế độ, chính sách đối với Quân đội, hậu phương Quân đội (2015 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 1362tr.; 27cm.

343.597013 C101V/LCV.0002367 - LCV.0002368; M.0176889 - M.0176890; MP.0036857; VV.0018249 - VV.0018250

084. *Đề cương tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh sát biển Việt Nam và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 112tr.; 21cm.

343.59701997 Đ250C/LC.0015408 - LC.0015409; M.0176901 - M.0176902; MP.0036885; VN.0081845 - VN.0081846

085. *Hỏi - đáp về Luật Cảnh sát biển Việt Nam năm 2018.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 152tr.; 21cm.

343.59701997 H428Đ/LC.0015410 - LC.0015411; M.0176903 - M.0176904; MP.0036886; VN.0081772, VN.0081847

086. *Luật dân quân tự vệ năm 2019.* - H.: Lao động, 2020. - 63tr.; 19cm.

343.59701537 L504Đ/M.176504 - M.176505; MP.0036512 - MP.0036513; VN.0081637 - VN.0081638

087. *Luật giao thông đường bộ - Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.* - H.: Lao động, 2020. - 375tr.; 19cm.

343.597094 L504G/M.176498 - M.176499; MP.0036506 - MP.0036507; VN.0081631 - VN.0081632

088. *Luật lực lượng dự bị động viên năm 2019.* - H.: Lao động, 2019. - 47tr.; 19cm.

343.59701537 L504L/M.176502 - M.176503; MP.0036510 - MP.0036511; VN.0081635 - VN.0081636

089. *Pháp luật và đạo đức báo chí*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Trường Giang chủ biên.* - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 185tr.; 24cm.

**343.5970998 Ph109L/M.176489 - M.176490; MP.0036500 - MP.0036501;
VV.0018096 - VV.0018097**

090. *Quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 19cm.

343.59701537 Qu600Đ/LC.0015453 - LC.0015454

344 – Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

091. *Bộ luật Lao động năm 2019.* - H.: Lao động, 2020. - 191tr.; 19cm.

**344.59701 B450L/M.176496 - M.176497; MP.0036504 - MP.0036505;
VN.0081629 - VN.0081630**

092. *Cơ chế pháp lý về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Tố Uyên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 265tr.; 21cm.

**344.597046 C460C/M.0176907 - M.0176908; MP.0036889; VN.0081850 -
VN.0081851**

093. *Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 77tr.; 21cm.

344.59704461 L504P/M.176493; VN.0081625 - VN.0081626

094. *Luật thư viện và các văn bản hướng dẫn.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 147tr.; 19cm.

**344.597092 L504T/M.0176933 - M.0176934; MP.0036909 - MP.0036910;
VN.0081860 - VN.0081861**

095. *Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.* - H.: Lao động, 2020. - 91tr.; 19cm.

**344.597002632 L504T/M.176500 - M.176501; MP.0036508 - MP.0036509;
VN.0081633 - VN.0081634**

350 – Hành chính và quân sự

355 – Khoa học quân sự

096. *Bảo đảm công bằng trong thực hiện nghĩa vụ quân sự ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Lê Xuân Thủy chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 159tr.; 21cm.

**355.009597 B108Đ/LC.0015614; M.0177002 - M.0177003; MP.0036958;
VN.0081940 - VN.0081941**

097. *Bệnh viện Quân y 175 - 45 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 247tr.; 25cm.

355.7209597 B256V/LCV.0002354 - LCV.0002355; M.0177315 - M.0177316; MP.0037191 - MP.0037192; VV.0018332 - VV.0018333

098. *Biên niên sự kiện Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam (2001 - 2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 439tr.; 21cm.

355.41109597 B305N/LC.0015432; VN.0082040

099. *"Bộ đội cụ Hồ" vì nước quên thân vì nhân dân phục vụ/ Nguyễn Bá Dương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 280tr.; 21cm.

355.0330597 B450Đ/LC.0015578 - LC.0015579; M.175568 - M.175569; MP.0035759; VN.0081244 - VN.0081245

100. *Bộ Quốc phòng 2000 - 2020 (Biên niên sự kiện)/ Trương Mai Hương chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 603tr.; 22cm.

355.009597 B450Q/LC.0015487 - LC.0015488; MP.0037347 - MP.0037348; VN.0082134 - VN.0082135

101. *Bộ quy trình hướng dẫn phòng, chống dịch Covid-19*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 98tr.; 19cm.

355.34509597 B450Q/LC.0015467 - LC.0015468

102. *Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2020)*: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 964tr.; 24cm.

355.009597 B450T/LCV.0002356; M.176366; VV.0017919 - VV.0017920

103. *Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giảng viên khoa học xã hội nhân văn ở nhà trường quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Bùi Tuấn Anh biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 102tr.; 21cm.

355.0071 B452D/LC.0015616; M.0176994 - M.0176995; MP.0036954; VN.0081932 - VN.0081933

104. *Bồi dưỡng năng lực công tác của chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện trong Quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Tạ Minh Hưng biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 207tr.; 21cm.

355.009597 B452D/M.0176996 - M.0176997; MP.0036955; VN.0081934 - VN.0081935

105. *Các công trình khoa học của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1981 - 2021)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 647tr.; 24cm.

355.009597 C101C/LCV.0002470 - LCV.0002471; M.0177766 - M.0177767; MP.0037621; VV.0018510 - VV.0018511

106. *Chiến sĩ cần biết*. - Tái bản lần 2. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 223tr.; 12cm.

355.509597 Ch305S/LC.0015610 - LC.0015611; MP.0035040 - MP.0035041; VN.0081001 - VN.0081002

107. Công tác tiếp nhận, vận chuyển, tổ chức cách ly tập trung trong phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 127tr.; 19cm.

355.34509597 C455T/LC.0015469 - LC.0015470

108. Công ty Cổ phần 22 - 50 năm xây dựng và trưởng thành (1970 - 2020)/ Biên soạn: Vũ Tuấn Anh, Trần Đình Quang, Lê Thanh Hải. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 24cm.

**355.009597 C455T/LCV.0002357; MP.0036592 - MP.0036593;
VV.0018203 - VV.0018204**

109. Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 75 năm ngày truyền thống Cục Tuyên huấn và ngành tuyên huấn Quân đội (11.5.1946 - 11.5.2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 112tr.; 19cm.

**355.3409597 Đ250C/LC.0015788; MP.0037372 - MP.0037373; VN.0082156
- VN.0082157**

110. Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (22.12.1944 - 22.12.2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 92tr.; 19cm.

**355.009597 Đ250C/LC.0015601 - LC.0015602; M.174308 - M.174309 -
M.174310; VN.0080925 - VN.0080926**

111. Định hướng thị hiếu thẩm mỹ của học viên các trường Quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ Phạm Văn Hậu biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 186tr.; 21cm.

**355.22320711597 Đ312H/LC.0015742; M.0177810 - M.0177811;
MP.0037702; VN.0082370 - VN.0082371**

112. Đoàn kinh tế - Quốc phòng 92 - Biên niên sự kiện (1999 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 407tr.; 22cm.

**355.009597 Đ406K/LC.0015734 - LC.0015735; MP.0037692 -
MP.0037693; VN.0082360 - VN.0082361**

113. Đổi mới phương pháp tác phong công tác của cán bộ Phụ nữ Quân đội hiện nay theo phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh: Sách chuyên khảo/ Trần Quốc Cường. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 148tr.; 21cm.

**355.0082 Đ452M/LC.0015993 - LC.0015994; M.0177417 - M.0177418;
MP.0037305; VN.0082098 - VN.0082099**

114. Đối ngoại quốc phòng Việt Nam với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: Sách tham khảo/ Vũ Văn Khanh. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 248tr.; 21cm.

**355.03109597 Đ452N/LC.0015582 - LC.0015583; M.176210 - M.176211;
MP.0036243; VN.0081537 - VN.0081538**

115. Giáo dục chính trị cho học viên các trường sĩ quan quân đội trong tình hình mới.

Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thái Bảo biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 163tr.; 21cm.

355.00711597 Gi-108D/LC.0015766; M.0177402 - M.0177403; MP.0037288; VN.0082080 - VN.0082081

116. *Hướng dẫn hoạt động của lực lượng vũ trang Lào Cai trong ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 100tr.; 21cm.

355.0030597 H561D/LC.0015996; M.0177419 - M.0177420; MP.0037306; VN.0082100 - VN.0082101

117. *Hướng dẫn sử dụng khử khuẩn, diệt trùng trong phòng, chống dịch Covid-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 84tr.; 19cm.

355.34509597 H561D/LC.0015465 - LC.0015466

118. *Hướng dẫn triển khai các đội phản ứng nhanh, bệnh viện dã chiến truyền nhiễm điều trị Covid-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 156tr.; 19cm.

355.34509597 H561D/LC.0015473 - LC.0015474

119. *Hướng dẫn xử lý ổ dịch Covid-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 19cm.

355.345 H561D/LC.0015485 - LC.0015486; M.0176977 - M.0176978; MP.0036935; VN.0081906 - VN.0081907

120. *Kho K816 - Biên niên sự kiện (2005 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 300tr.; 21cm.

355.009597 Kh400K/LC.0015701; MP.0037229 - MP.0037230; VN.0082046 - VN.0082047

121. *Khoa học xã hội và nhân văn quân sự với sự nghiệp xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị trong thời kỳ mới/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 259tr.; 21cm.

355.009597 Kh401H/LC.0015520 - LC.0015521; M.0177421 - M.0177422; MP.0037307; VN.0082102 - VN.0082103

122. *Kỷ yếu công trình khoa học y học Bệnh viện Quân y 110.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 2231tr.; 24cm.

355.7209597 K600Y/LCV.0002458; M.0176888; VV.0018247 - VV.0018248

123. *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết phong trào thi đua "Dân vận khéo", xây dựng "Đơn vị dân vận tốt" trong Quân đội (2016 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 324tr.; 21cm.

355.3409597 K600Y/LC.0015719 - LC.0015720; MP.0036869 - MP.0036870; VN.0081827 - VN.0081828

124. *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Tăng cường hàm lượng ngoại ngữ quân sự trong đào*

tạo học viên sĩ quan cấp phân đội tại Học viện Khoa học Quân sự. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 275tr.; 24cm.

**355.00711597 K600Y/LCV.0002472; MP.0037628 - MP.0037629;
VV.0018518 - VV.0018519**

125. *Lịch sử Báo Quân đội nhân dân (1950 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 755tr.; 22cm.

**355.009597 L302S/LC.0015334 - LC.0015335; MP.0036618 -
MP.0036619; VN.0081716 - VN.0081717**

126. *Lịch sử Bệnh viện Quân dân y 16 (2000 - 2020)/ Trần Ngọc Tuệ chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 209tr.; 21cm.

**355.7209597 L302S/LC.0015371; MP.0036881 - MP.0036882; VN.0081839
- VN.0081840**

127. *Lịch sử Bệnh viện Quân y 175 (1975 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 481tr.; 24cm.

**355.7209597 L302S/LCV.0002371 - LCV.0002372; MP.0036862 -
MP.0036863; VV.0018259 - VV.0018260**

128. *Lịch sử Bệnh viện Quân y 103 (1950 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 564tr.; 21cm.

**355.7209597 L302S/LC.0015688 - LC.0015689; MP.0037208 -
MP.0037209; VN.0082024 - VN.0082025**

129. *Lịch sử Bệnh viện Quân y 105 (1950 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 498tr.; 21cm.

355.7209597 L302S/LC.0015276, LC.0015336 - LC.0015337; MP.0037226

130. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng Việt Nam (1959 - 2019).* - H.: Công an nhân dân, 2019. - 1331tr.; 27cm.

355.35109597 L302S/VV.0018460 - VV.0018461

131. *Lịch sử Cục chính trị Quân khu 4 (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 884tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/LC.0015988; MP.0037219 - MP.0037220; VN.0082033
- VN.0082034**

132. *Lịch sử Đảng bộ Kho J112 (1950 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 475tr.; 22cm.

**355.75 L302S/LC.0015333; MP.0036594 - MP.0036595; VN.0081688 -
VN.0081689**

133. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Bắc Trà My (1945 - 2015).* - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 387tr.; 21cm

355.009597 L302S/LC 13443 - LC 13444; MP.0037210

134. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Na Rì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2015).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 212tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015627 - LC.0015628; MP.0037236 - MP.0037237; VN.0082052 - VN.0082053

135. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Sơn Tây (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 520tr.; 22cm.

355.009597 L302S/LC.0015977 - LC.0015978; MP.0037213 - MP.0037214; VN.0082026 - VN.0082027

136. *Lịch sử Nhà hát Ca múa nhạc Quân đội (1951 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 343tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015888; MP.0037320 - MP.0037321; VN.0082114 - VN.0082115

137. *Lịch sử Phòng Chính trị (1956 - 2021)/ Cao Văn Khuy chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 383tr.; 21cm.

355.00711597 L302S/LC.0015738; MP.0037484 - MP.0037485; VN.0082182 - VN.0082183

138. *Lịch sử quân sự huyện Phù Cừ (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 594tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015133 - LC.0015134; MP.0037300 - MP.0037301; VN.0082092 - VN.0082093

139. *Lịch sử quân sự huyện Yên Châu (1945 - 2015).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 295tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015375 - LC.0015376; MP.0036875 - MP.0036876; VN.0081833 - VN.0081834

140. *Lịch sử Quân sự Tây Bắc.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 291tr.; 21cm.

T.1: Từ khởi thủy đến nửa đầu thế kỷ XX

355.009597 L302S/LC.0015494 - LC.0015495; M.0176987 - M.0176988; MP.0036949; VN.0081922 - VN.0081923

141. *Lịch sử quân sự Tây Nguyên/ Dương Hồng Anh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 290tr.; 21cm.

T.1: Từ khởi thủy đến năm 1954

355.009597 L302S/LC.0015506 - LC.0015507; M.0177437 - M.0177438; MP.0037351; VN.0082136 - VN.0082137

142. *Lịch sử Sư đoàn 390 - Đại đoàn đồng bằng (1951 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 536tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015989; MP.0037224 - MP.0037225; VN.0082038 - VN.0082039

143. *Lịch sử Sư đoàn 312 - Đại đoàn Chiến thắng (1950 - 2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 666tr.; 21cm.

355.3109597 L302S/LC.0015430; MP.0036864 - MP.0036865; VN.0081821 - VN.0081822

144. *Lịch sử Tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 460tr.; 22cm.

T.3: 2006 - 2020

355.62209597 L302S/M.0177413 - M.0177414; MP.0037295; VN.0082086 - VN.0082087

145. *Lịch sử Tiểu đoàn Trinh sát 46 (1964 - 2019)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 165tr.; 21cm.

355.41309597 L302S/LC.0015434

146. *Lịch sử Tổng Công ty Thái sơn (1991 - 2021)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 233tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0002464 - LCV.0002465; MP.0037624 - MP.0037625; VV.0018514 - VV.0018515

147. *Lịch sử Tổng Công ty Viễn thông Viettel (2000 - 2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 635tr.; 24cm.. - (Lưu hành nội bộ)

355.009597 L302S/LCV.0002450; MP.0036940 - MP.0036941; VV.0018261 - VV.0018262

148. *Lịch sử Trung đoàn 148 (1945 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 291tr.; 21cm

Lưu hành nội bộ

355.009597 L302S/LC 13333 - LC 13334; MP.0037222

149. *Lịch sử truyền thống lực lượng vũ trang huyện Bắc Bình (1975 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 252tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015696 - LC.0015697; MP.0036873 - MP.0036874; VN.0081831 - VN.0081832

150. *Lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng: Hỏi và đáp/ Nguyễn Đăng Quang biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - tr.; 21cm.

355.009597 L302S/M.0176935 - M.0176936; MP.0036911 - MP.0036912; VN.0081862 - VN.0081863

151. *Lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng (Hỏi và đáp)/ Nguyễn Đăng Quang biên soạn*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 294tr.; 19cm.

355.009597 L302S/M.176494 - M.176495; VN.0081627 - VN.0081628

152. *Lịch sử Trường bắn quốc gia khu vực 1 (1980 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 375tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/LC.0015370; MP.0036866 - MP.0036867; VN.0081823
- VN.0081824**

153. *Lịch sử Trường Quân sự Quân khu 3 - 70 năm xây dựng và phát triển (1946 - 2016)*s/ Lê Tuấn Đạt chủ biên; Nguyễn Văn Luân biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 203tr.; 21cm

Lưu hành nội bộ

355.00711597 L302S/LC 13424 - LC 13425; MP.0037212

154. *Lịch sử Trường Quân sự Quân khu 7 (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 333tr.; 24cm.

**355.00711597 L302S/LCV.0002377 - LCV.0002378; MP.0037206 -
MP.0037207; VV.0018337 - VV.0018338**

155. *Lịch sử Trường quân sự tỉnh Bình Dương (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 348tr.; 21cm.

**355.00711597 L302S/LC.0015985; MP.0036877 - MP.0036878; VN.0081835
- VN.0081836**

156. *Lịch sử Trường Trung cấp kỹ thuật Mật mã (1951 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 182tr.; 21cm.

**355.00711597 L302S/LC.0015737; MP.0037642 - MP.0037643; VN.0082322
- VN.0082323**

157. *Lịch sử Văn phòng Bộ Tổng Tham mưu (1945 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 568tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015705; VN.0082041

158. *Lịch sử Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu 2 (1979 - 2019)/ Biên soạn: Đặng Quốc Đồng, Nguyễn Mạnh Chung,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 182tr.; 21cm.

**355.3109593 L302S/LC.0015433; MP.0034892 - MP.0034893; VN.0080907
- VN.0080908**

159. *Lịch sử Viện Hóa học - Vật liệu (1960 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 598tr.; 22cm.

**355.009597 L302S/LC.0015332, LC.0015690; MP.0036596 - MP.0036597;
VN.0081690 - VN.0081691**

160. *Lịch sử Viện Khoa học và Công nghệ quân sự (1960 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 691tr.; 22cm.

**355.009597 L302S/LC.0015331; MP.0036944 - MP.0036945; VN.0081914
- VN.0081915**

161. Lịch sử Viện Kiểm sát quân sự Việt Nam (1961 - 2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 571tr.; 22cm.

355.009597 L302S/LC.0015732 - LC.0015733; MP.0037690 - MP.0037691; VN.0082358 - VN.0082359

162. Lính trẻ nơi đầu sóng. - H.: Dân trí, 2021. - 298tr.; 21cm.

355.009597 L312T/M.0176816 - M.0176817; MP.0036804 - MP.0036805

163. Một số kinh nghiệm trong phòng, chống dịch Covid-19 của lực lượng vũ trang Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 94tr.; 19cm.

355.34509597 M458S/LC.0015481 - LC.0015482

164. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chính trị cấp phân đội người dân tộc thiểu số trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Trần Quang Trung* chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 222tr.; 21cm.

355.309597 N122C/LC.0015390; M.0177000 - M.0177001; MP.0036957; VN.0081938 - VN.0081939

165. Nâng cao chất lượng hoạt động đấu tranh trên không gian mạng của lực lượng 47 ở các học viện, trường sĩ quan Quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Trường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 156tr.; 21cm.

355.00711597 N122C/LC.0015574

166. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới/ Lương Cường. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 1148tr.; 24cm.

355.009597 N122C/LCV.0002363 - LCV.0002364; M.176396 - M.176397 - M.176398; MP.0036417 - MP.0036418 - MP.0036419; VV.0018020 - VV.0018021 - VV.0018022 - VV.0018023

167. Người lính hát trọn khúc quân hành/ Trần Văn Niên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 298tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

355.0092 Ng558L/LC.0015346 - LC.0015347; M.176252 - M.176253; MP.0036280; VN.0081560 - VN.0081561

168. Nữ biệt động cảm tử. - H.: Dân trí, 2021. - 293tr.; 21cm.

355.343208209597 N550B/M.0176818 - M.0176819; MP.0036806 - MP.0036807

169. Phát huy giá trị nhân văn quân sự truyền thống trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Bùi Xuân Quỳnh* biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 202tr.; 21cm.

355.009597 Ph110H/M.0176998 - M.0176999; MP.0036956; VN.0081936 - VN.0081937

170. *Phát huy vai trò của chính trị viên trong giáo dục truyền thống cho chiến sĩ mới ở đơn vị cơ sở Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*: Sách chuyên khảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 130tr.; 21cm.

355.007597 Ph110H/LC.0015341; M.0176990 - M.0176991; MP.0036952; VN.0081928 - VN.0081929

171. *Quan điểm của V.I. Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam về chính ủy, chính trị viên trong Quân đội Nhân dân Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Trường Sơn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 176tr.; 21cm.

355.3309597 Qu105Đ/LC.0015576 - LC.0015577; M.175499 - M.175500 - M.175501; VN.0081182 - VN.0081183

172. *Quản lý tuyển sinh vào các học viện, nhà trường Quân đội trong bối cảnh đổi mới giáo dục*: Sách chuyên khảo/ Phùng Thị Phú. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 200tr.; 21cm.

355.00711597 Qu105L/LC.0015572 - LC.0015573; M.175566 - M.175567; MP.0035758; VN.0081242 - VN.0081243

173. *Sư đoàn 1 anh hùng*: Ghi chép của cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 1 Quân giải phóng miền Nam Việt Nam - Tư liệu tham khảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 616tr.; 21cm.

T.3

355.009597 S550Đ/LC.0015875; MP.0037217 - MP.0037218; VN.0082031 - VN.0082032

174. *Tài liệu bổ trợ học tập chính trị năm 2021*/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 208tr.; 19cm.

355.009597 T103L/LC.0015545 - LC.0015546; MP.0037374 - MP.0037375; VN.0082158 - VN.0082159

175. *Tài liệu học tập chính trị của cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ*/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 428tr.; 19cm.

355.37 T103L/LC.0015789; MP.0037312 - MP.0037313; VN.0082110 - VN.0082111

176. *Tài liệu học tập chính trị của hạ sĩ quan - binh sĩ*/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 420tr.; 19cm.

355.009597 T103L/LC.0015790 - LC.0015791; MP.0037717 - MP.0037718; VN.0082386 - VN.0082387

177. *Tài liệu hướng dẫn tổ chức Đại hội phụ nữ các cấp trong Quân đội*/ Phùng Thị Phú chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 138tr.; 19cm.

355.009597 T103L/LC.0015500 - LC.0015501; M.0177270, M.0177427; MP.0037311; VN.0082108 - VN.0082109

178. *Tài liệu một số kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa - xã hội và quốc phòng, an*

ninh: Hỏi và đáp/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 140tr.; 19cm.

355.007 T103L/LC.0015597 - LC.0015598; MP.0034898 - MP.0034899; VN.0080927 - VN.0080928

179. Tài liệu nghiên cứu chuyên đề của sĩ quan năm 2020/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 100tr.; 19cm.

355.009597 T103L/LC.0015593 - LC.0015594; MP.0035684 - MP.0035685; VN.0081186 - VN.0081187

180. Tài liệu tuyên truyền kỷ niệm 30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22.12.1989 - 22.12.2019) và 75 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22.12.1944 - 22.12.2019)/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 220tr.; 19cm.

355.009597 A103L/LC.0015595 - LC.0015596; M.174311 - M.174312 - M.174313; VN.0080929 - VN.0080930

181. Tiêu chuẩn và quy tắc kiểm tra thể lực nữ trong quân đội. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 32tr.; 19cm.

355.009597 T309C/LC.0015479 - LC.0015480

182. Tổ chức đánh giá kết quả học tập các môn khoa học xã hội và nhân văn của học viên đào tạo chính ủy Trung đoàn, Sư đoàn: Sách chuyên khảo/ *Phạm Thành Trung biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 119tr.; 21cm.

355.00711597 T450C/M.0176992 - M.0176993; MP.0036953; VN.0081930 - VN.0081931

183. Tổ chức sự lãnh đạo của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Biên niên sự kiện và tư liệu. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 592tr.; 21cm.

T.5 : 2009 - 2019

355.009597 T450C/LC.0015991 - LC.0015992; M.0177328 - M.0177329; MP.0037221; VN.0081623 - VN.0081624, VN.0082035 - VN.0082036

184. Tổng kết nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 của Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2020. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 272tr.; 21cm.

355.009597 T455K/LC.0015490 - LC.0015491; M.0177439 - M.0177440; MP.0037352; VN.0082138 - VN.0082139

185. Trung đoàn Đường ống 592 anh hùng - Một thời bão lửa: Ký ức. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 351tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

355.809597 Tr513Đ/LC.0015354 - LC.0015355; M.0177818 - M.0177819; MP.0037707; VN.0082376 - VN.0082377

186. Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội - 65 năm xây dựng và trưởng thành (1955 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 323tr.; 24cm.

355.00711597 Tr561Đ/LCV.0002451; MP.0037204 - MP.0037205;
VV.0018105, VV.0018336

187. *Từ điển quân sự Quân khu 5*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 1439tr.; 21cm.

355.003 T550Đ/LC.0015702 - LC.0015703; M.0176985 - M.0176986;
VN.0081918 - VN.0081919

188. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại - Giá trị và vận dụng trong đối ngoại quốc phòng hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Hữu Lập. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 174tr.; 21cm.

355.03109597 T550T/LC.0015764 - LC.0015765; M.0177814 - M.0177815;
MP.0037704; VN.0082374 - VN.0082375

189. *Tư tưởng quân sự Phan Bội Châu/ Trần Anh Tuấn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.

355.0092 T550T/LC.0015449 - LC.0015450

190. *Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - 40 năm xây dựng, phát triển (1981 - 2021)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 538tr.; 24cm.

355.009597 V305L/LCV.0002468 - LCV.0002469; M.0177762 -
M.0177763; MP.0037619; VV.0018506 - VV.0018507

191. *Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội - 20 năm xây dựng và trưởng thành*: Biên niên sự kiện (1996 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 295tr.; 21cm

Lưu hành nội bộ

355.009597 V305Y/LC 13466 - LC 13467; MP.0037223

192. *Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ quan chính trị ở các học viện, trường sĩ quan trong Quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Phạm Trung Thành. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 224tr.; 21cm.

355.33 X126Đ/LC.0015585 - LC.0015586; M.0176642 - M.0176643;
MP.0036643; VN.0081740 - VN.0081741

193. *Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học Mác - Lênin trong các nhà trường quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 189tr.; 21cm.

355.2209597 X126Đ/LC.0015436 - LC.0015437

194. *Xây dựng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho đội ngũ sĩ quan trẻ trong Quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 130tr.; 21cm.

355.33209597 X126Đ/LC.0015756 - LC.0015757; M.0177396 - M.0177397;
MP.0037285; VN.0082074 - VN.0082075

195. *Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng cho học viên các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ Đinh Quốc Triệu chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 126tr.; 21cm.

**355.009597 X126D/LC.0015621; M.0176899 - M.0176900; MP.0036884;
VN.0081843 - VN.0081844**

196. *Xưởng X265 - Biên niên sự kiện (1990 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 347tr.; 21cm.

**355.009597 X561X/LC.0015366; MP.0036879 - MP.0036880; VN.0081837
- VN.0081838**

356 – Lực lượng bộ binh và cuộc chiến

197. *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 440tr.; 19cm.

T.1: Huấn luyện bắn súng trường, tiểu liên, trung liên, súng chống tăng B41 và súng phóng lựu M79

**356.10711 Gi-108T/LC.0015549 - LC.0015550; MP.0037314 -
MP.0037315; VN.0082112 - VN.0082113**

T.2: Huấn luyện bắn súng đại liên, súng phóng lựu AGS-17, cối 60mm và súng trên xe chiến đấu bộ binh. - 352tr.

**356.10711 Gi-108T/LC.0015551 - LC.0015552; MP.0037318 -
MP.0037319; VN.0082106 - VN.0082107**

T.3: Huấn luyện kỹ thuật lựu đạn, thuốc nổ, công sự - nguy trang, vật cản, đánh gần. - 132tr.

**356.10711 Gi-108T/LC.0015547 - LC.0015548; MP.0037316 -
MP.0037317; VN.0082042 - VN.0082043**

198. *Lịch sử Sư đoàn Bộ binh 320.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 912tr.; 24cm.

**356.109597 L302S/LCV.0002504; MP.0036860 - MP.0036861;
VV.0018257 - VV.0018258**

199. *Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 141 - Trung đoàn Ba Vì (1950 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 599tr.; 21cm.

356.109597 L302S/LC.0015429, LC.0015431; VN.0082030

200. *Nâng cao năng lực giảng dạy chính trị của đội ngũ chính trị viên ở các trung đoàn bộ binh trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:* Sách chuyên khảo/ Đoàn Khắc Mạnh. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 194tr.; 21cm.

**356.109597 N122C/LC.0015743; M.0177415 - M.0177416; MP.0037304;
VN.0082096 - VN.0082097**

358 – Lực lượng không quân và chuyên biệt khác và cuộc chiến; quân chủng kỹ thuật và có liên quan

201. Không chiến: Hồi ức/ Nguyễn Văn Nghĩa. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 786tr.; 24cm.

358.4009597 Kh455C/LCV.0002358 - LCV.0002359; M.176619 - M.176620; VV.0018201 - VV.0018202

202. Lịch sử Bộ đội Hóa học Quân đoàn 4 (1965 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 313tr.; 21cm.

358.309597 L302S/LC.0015868; MP.0037298 - MP.0037299; VN.0082090 - VN.0082091

203. Lịch sử Bộ Tham mưu Binh chủng Pháo binh (1951 - 2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 563tr.; 22cm.

358.1209597 L302S/LC.0015730; MP.0037630 - MP.0037631; VN.0082312 - VN.0082313

204. Lịch sử Lữ đoàn Thông tin 601 (1976 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 303tr.; 21cm

358.2409597 L302S/LC 13854 - LC 13855; MP.0037227

205. Lịch sử Tiểu đoàn 341 Công binh Mặt trận đường 4 tỉnh Mỹ Tho (1968 - 1975). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 168tr.; 21cm.

358.2309597 L302S/LC.0015740 - LC.0015741; MP.0037648 - MP.0037649; VN.0082328 - VN.0082329

206. Phát triển năng lực thực tiễn của giảng viên trẻ ở Học viện Phòng không - không quân: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Đỗ Anh Tuấn, Phạm Thị Hoa. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 188tr.; 19cm.

358.400711597 Ph110T/LC.0016002; M.0177467 - M.0177468; MP.0037378; VN.0082160 - VN.0082161

360 – Vấn đề dịch vụ xã hội; hiệp hội

207. Dấu ấn 10 năm (2010 - 2020): Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 192tr.; 21cm.

361.25060597 D125Â/LC.0015358 - LC.0015359; M.0176638 - M.0176639; MP.0036638; VN.0081736 - VN.0081737

208. DrawDown - 99 giải pháp ngăn chặn thảm họa từ biến đổi khí hậu/ Paul Hawken; Đỗ Hoàng Lan dịch. - H.: Lao động, 2020. - 423tr.; 24cm.

363.738746 Dr111C/M.0176698 - M.0176699; VV.0018211 - VV.0018212

209. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu: Nội dung và

giá trị: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Ngọc Anh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 196tr.; 21cm.

364.1323

T550T/LC.0015564 - LC.0015565

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

210. Bà Chúa kho và giai thoại về những nữ nhân kiệt liệt/ Lê Thái Dũng biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2021. - 203tr.; 21cm.

398.409597

B100C/M.0176806 - M.0176807; MP.0036795 - MP.0036796

211. Hệ Nàng cơm - Nàng bún/ Lê Lade. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 226tr.; 20cm.

394.1209597

H250N/M.0177549 - M.0177550; MP.0037452 - MP.0037453

212. Văn hóa dân gian biển đảo Việt Nam - Hệ thống và giá trị/ Nguyễn Chí Bền chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021; 21cm.

T.1. - 215tr.

390.09597

V115H/LC.0015894 - LC.0015895; M.0177451 - M.0177452;

MP.0037363; VN.0082146 - VN.0082147

T.2. - 212tr.

390.09597

V115H/LC.0015892 - LC.0015893; M.0177449 - M.0177450;

MP.0037362; VN.0082144 - VN.0082145

600- CÔNG NGHỆ

610 - Y học

213. Câu chuyện từ trái tim/ Nguyễn Lâm Hiếu. - H.: Thế giới, 2021. - 376tr.; 21cm.

610

C125C/M.0177360 - M.0177361; MP.0037245 - MP.0037246;

VN.0082056 - VN.0082057

214. Chẩn đoán và điều trị Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 19cm.

616.2

Ch121Đ/LC.0015360 - LC.0015361, LC.0015483 - LC.0015484;

M.0176973 - M.0176974; MP.0036933; VN.0081902 - VN.0081903

215. Dịch bệnh: Kẻ thù nguy hiểm nhất: Cuộc chiến chống lại những mầm bệnh chết người/ *Michael T. Osterholm, Mark Olshaker; Đặng Chí Dũng dịch.* - H.: Dân trí, 2020. - 406tr.; 23cm.

614.4

D302B/M.0177307 - M.0177308; MP.0037184, MP.0037240;

VV.0018326 - VV.0018327

216. Giáo sư Nguyễn Thiện Thành - Người chiến sĩ, người thầy thuốc anh hùng/ Nguyễn Đức Công chủ biên. - Tái bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 403tr.; 23cm.

610.92 Gi-108S/LCV.0002380 - LCV.0002381; M.174275 - M.174276 - M.174277; V.0017407 - V.0017408

217. Hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 60tr.; 19cm.

616.2 H411Đ/LC.0015475 - LC.0015476

218. Hướng dẫn giáo dục đồng nhóm phòng chống HIV/AIDS cho chiến sĩ mới trong Quân đội. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 92tr.; 23cm.

616.9792007 H561D/LCV.0002473 - LCV.0002474; MP.0037636 - MP.0037637; VV.0018520 - VV.0018521

219. Hướng dẫn lấy mẫu, bảo quản, xét nghiệm phát hiện SARS-CoV-2. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 60tr.; 19cm.

616.2 H561D/LC.0015461 - LC.0015462

220. Hướng dẫn phòng, chống lây nhiễm COVID-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 86tr.; 19cm.

616.2 H561D/LC.0015455 - LC.0015456

221. Hướng dẫn sàng lọc, phát hiện sớm người mắc COVID-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 36tr.; 19cm.

616.2 H561D/LC.0015457 - LC.0015458

222. Nhiễm khuẩn huyết và nhiễm khuẩn huyết bệnh viện: Sách chuyên khảo/ *Trần Viết Tiến.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 172tr.; 21cm.

614.545 Nh304K/LC.0015570 - LC.0015571; MP.0034732; VN.0080795 - VN.0080796

223. Nghiên cứu khoa học trong phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 54tr.; 19cm.

616.2 Ngh305C/LC.0015477 - LC.0015478

224. Những khả năng miễn dịch để có sức khỏe tốt/ Trần Hải Hà biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 223tr.; 21cm.

616.079 Nh556K/M.0176734 - M.0176735; MP.0036732 - MP.0036733

225. Những loại cây chứa độc tố thường gặp/ Lê Quân. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 203tr.; 19cm.

615.321 Nh556L/LC.0015784 - LC.0015785; M.0177471 - M.0177472; MP.0037380 - MP.0037381

226. Quy trình khử khuẩn, diệt trùng tại hiện trường trong phòng, chống dịch COVID-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 19cm.

616.2 Qu600T/LC.0015451 - LC.0015452

227. Quy trình xử lý nước thải, rác thải trong phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 72tr.; 19cm.

616.2 Qu600T/LC.0015463 - LC.0015464

228. Tài liệu tham khảo phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 147tr.; 19cm.

616.2 T103L/LC.0015471 - LC.0015472

229. Vận hành cơ chế ứng phó trong phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 86tr.; 19cm.

616.2 V121H/LC.0015459 - LC.0015460

640 – Quản lý nhà và gia đình

230. Món ăn từ thiên nhiên tốt cho cao huyết áp. - H.: Hồng Đức, 2020. - 175tr.; 20cm.

641.5631 M429Ă/M.0176732 - M.0176733; MP.0036730 - MP.0036731

231. Món ăn từ thiên nhiên tốt cho dạ dày/ Lư Huyền Anh. - H.: Hồng Đức, 2020. - 182tr.; 21cm.

641.563 M429Ă/M.0176736 - M.0176737; MP.0036734 - MP.0036735

232. Món ăn từ thiên nhiên tốt cho gan/ Lư Huyền Anh. - H.: Hồng Đức, 2020. - 178tr.; 21cm.

641.563 M429Ă/M.0176738 - M.0176739; MP.0036736 - MP.0036737

233. Món ăn từ thiên nhiên tốt cho phổi/ Lư Huyền Anh. - H.: Hồng Đức, 2020. - 174tr.; 21cm.

641.563 M429Ă/M.0176742 - M.0176743; MP.0036740 - MP.0036741

234. Món ăn từ thiên nhiên tốt cho tim/ Lư Huyền Anh. - H.: Hồng Đức, 2020. - 174tr.; 21cm.

641.563 M429Ă/M.0176744 - M.0176745; MP.0036742 - MP.0036743

235. Món ăn từ thiên nhiên tốt cho tỳ/ Lư Huyền Anh. - H.: Hồng Đức, 2020. - 174tr.; 21cm.

641.563 M429Ă/M.0176740 - M.0176741; MP.0036738 - MP.0036739

236. *Xắn tay áo lên... làm bố mẹ/ Mẹ Tee.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 150tr.; 23cm.

649.1 X115T/M.0177345 - M.0177346; MP.0037243 - MP.0037244

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

237. *Bộ ba xuất chúng Hàn Quốc:* Chân dung những nhà sáng lập tập đoàn Samsung, LG và Hyundai/ *Jung Hyuk June; Phạm Quỳnh Giang dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 291tr.; 21cm.

658.4209225195 B450B/M.0177248 - M.0177249; MP.0037141 - MP.0037142; VN.0082020 - VN.0082021

238. *Chinh phục những điều bất khả = You are a Mogul/ Tiffany Pham; Lê Thiện Trí dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 302tr.; 21cm.. - (Tủ sách Soul - Điểm chạm trái tim)

650.1 Ch312P/M.0177246 - M.0177247; MP.0037139 - MP.0037140

239. *Chuyển đổi số:* Digital transformation/ *Lindsay Herbert; Nguyễn Bích Phương dịch.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 359tr.; 24cm.

658.05 Ch527Đ/M.0177268 - M.0177269; MP.0037157 - MP.0037158

240. *Tinh thần chiến đấu rực lửa/ Inamori Kazuo; Nguyễn Thị Thanh Thủy dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 183tr.; 21cm.

650.1 T312T/M.0177364 - M.0177365; MP.0037249 - MP.0037250

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

241. *Bảo tồn và phát triển nghệ thuật chèo trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Quốc Trọng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 159tr.; 21cm.

792.509597 B108T/LC.0015526 - LC.0015527; M.0177463 - M.0177464; MP.0037371; VN.0082154 - VN.0082155

242. *Các bài tập Gam cơ bản cho kèn Tuba:* Dùng cho đào tạo bậc Trung cấp và Đại học chuyên ngành nhạc công quân nhạc/ *Lê Minh Chiêu biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 144tr.; 27cm.

788.98 C101B/LCV.0002509; M.0177325 - M.0177326 - M.0177327; MP.0037198 - MP.0037199

243. *Chạy bộ cùng người Kenya:* Đi tìm bí mật những đôi chân gió/ *Adharanad Finn; Nguyễn Kiến Quốc dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 291tr.; 24cm.

796.425 Ch112B/M.0177271 - M.0177272; MP.0037159 - MP.0037160

244. *Giáo trình kèn Clarinet*: Dừng cho đào tạo bậc Trung cấp chuyên ngành Clarinet/ *Nguyễn Việt Dũng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 164tr.; 27cm.

787.20711 Gi-108T/LCV.0002510; M.0177319 - M.0177320 - M.0177321; MP.0037194 - MP.0037195

245. *Giáo trình Thực hành biểu diễn Múa*: Dừng cho đào tạo diễn viên múa bậc Trung cấp/ *Nguyễn Thị Hiền Trang chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 104tr.; 27cm.

792.80711 Gi-108T/LCV.0002508; M.0177322 - M.0177323 - M.0177324; MP.0037196 - MP.0037197

246. *Michelangelo - Sáu kiệt tác cuộc đời*/ Miles J. Unger; Út Quyên dịch. - H.: Dân trí, 2020. - 574tr.; 24cm.

709.2 M302S/M.0177252 - M.0177253; MP.0037145 - MP.0037146

247. *Một đời sân khấu*/ Nguyễn Ngọc Bạch. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 495tr.; 21cm.

792.50233092 M458Đ/M.0177521 - M.0177522; VN.0082176 - VN.0082177

248. *Trịnh Công Sơn và cây đàn lyre của hoàng tử bé*/ Hoàng Phủ Ngọc Tường. - In lần 3. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 190tr.; 24cm.

780.92 Tr312C/M.0177341 - M.0177342; MP.0037241; VV.0018341 - VV.0018342

800 – VĂN HỌC

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

249. *Bầy rùa chồng chất*/ John Green; Bảo Anh dịch. - In lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 309tr.; 20cm.

813.6 B126R/M.0177378 - M.0177379; MP.0037263 - MP.0037264

250. *Cô bé uống ánh trăng*: Tận hưởng là đánh mất/ *Kelly Barnhill; Hồng Quyên dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 447tr.; 20cm.

813.6 C450B/M.0177372 - M.0177373; MP.0037257 - MP.0037258

251. *Cô gái may mắn nhất còn sống*/ Jessica Knoll; Vante dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 525tr.; 20cm.

813.6 C450G/M.0176706 - M.0176707; MP.0036705 - MP.0036706

252. *Sợi dây thừng nghiệt ngã*/ Matthew Fitzsimmons; Trần Trọng Hải Minh dịch. - H.: Lao động, 2020. - 524tr.; 20cm.

813.54 S462D/M.0176714 - M.0176715; MP.0036712 - MP.0036713

253. *Trạm điều*/ *Matthew Fitzsimmons*; *Trần Trọng Hải Minh dịch*. - H.: Thanh niên, 2020. - 549tr.; 20cm.

813.6 Tr120Đ/M.0176712 - M.0176713; MP.0036710 - MP.0036711

820 – Văn học tiếng Anh và tiếng Anh cổ

254. *Ba đồng Ghi-nê*/ *Virginia Woolf*; *Nguyễn Thanh Nhân dịch*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 317tr.; 21cm.

824.912 B100Đ/M.0177533 - M.0177534; MP.0037436 - MP.0037437

255. *Dưới bánh xe cuộc đời*/ *Hermann Hesse*; *Hiền Trang dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 365tr.; 18cm.

833.912 D558B/M.0176746 - M.0176747; MP.0036744 - MP.0036745

256. *Người bạn ảo ảnh*: Tiểu thuyết/ *A. F. Harrold*; *Vũ Hoàng Luân dịch*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 269tr.; 20cm.

823 Ng558B/M.0177370 - M.0177371; MP.0037255 - MP.0037256

257. *Phong tỏa*: Tiểu thuyết trinh thám/ *Peter May*; *Ng.dịch: Nguyễn Văn Nhật, Nguyễn Thuần Phác*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 412tr.; 21cm.

823.914 Ph431T/M.0177531 - M.0177532; MP.0037434 - MP.0037435

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể

895 - Văn học Đông Á và Đông Nam Á

258. *Ai bảo gái hư không có quà*/ *Thùy Chi*. - H.: Thế giới, 2020. - 192tr.; 12cm.

895.9228408 A103B/M.0176750 - M.0176751; MP.0036748 - MP.0036749

259. *Ai về bến Ô Lâu*: Truyện ký/ *Vương Tâm*. - H.: Văn học, 2021. - 201tr.; 21cm.

895.9228403 A103V/M.0176810 - M.0176811; MP.0036798 - MP.0036799

260. *Anh hùng không vinh danh*: Tập bút ký/ *Lê Văn Vọng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 168tr.; 21cm.

895.9228403 A107H/LC.0015746 - LC.0015747; M.0177441 - M.0177442; MP.0037355 - MP.0037356

261. *Âm Dương Bát Quái*: Tiểu thuyết/ *Phùng Kí Tài*; *Phạm Tú Châu dịch*. - H.: Hội nhà Văn, 2020. - 283tr.; 20cm.

895.1352 Â120D/M.0176716 - M.0176717; MP.0036714 - MP.0036715

262. *70 năm chiến công và nghĩa tình*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 515tr.; 22cm.

T.3

**895.9228008 B126M/LC.0015427, LC.0015691; M.0176983 - M.0176984;
MP.0036946; VN.0081916 - VN.0081917**

263. *Bắt sâu*: Tiểu thuyết/ *Lâm Hà*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 247tr.; 21cm.

895.92234 B118S/M.0177523 - M.0177524; MP.0037426 - MP.0037427

264. *Biển đảo tình quê*: Thơ/ *Nguyễn Kinh Quốc*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 212tr.; 19cm.

895.92214 B305Đ/M.0177285 - M.0177286; MP.0037171 - MP.0037172

265. *Bóng xưa bằng lăng*: Tiểu thuyết/ *Hoàng Giá*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021; 21cm. T.1. - 198tr.

**895.92234 B431X/LC.0015514 - LC.0015515; M.0177447 - M.0177448;
MP.0037360 - MP.0037361**

T.2. - 183tr.

**895.92234 B431X/LC.0015512 - LC.0015513; M.0177445 - M.0177446;
MP.0037358 - MP.0037359**

266. *Bố tôi*: Tập truyện ngắn/ *Vũ Thị Huyền Trang*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 221tr.; 21cm.

895.92234 B450T/M.0176915 - M.0176916; MP.0036896 - MP.0036897

267. *Bức họa Trường Sa*: Thơ/ *Đặng Minh Hải*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 119tr.; 21cm.

895.92214 B552H/LC.0015438

268. *Bức ký họa*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Tằng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 106tr.; 21cm.

**895.92234 B552K/LC.0015528; M.0177461 - M.0177462; MP.0037369 -
MP.0037370**

269. *Cao Bằng - Nơi cội nguồn cách mạng Việt Nam*/ *Đoàn Hoài Trung*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 273tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

**895.9228403 C108B/LC.0015677 - LC.0015678; M.175570 - M.175571;
MP.0035760; VN.0081246 - VN.0081247**

270. *Cáp treo tình yêu*/ *Keigo Higashino*; *Nguyễn Hải Hà dịch*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 286tr.; 20cm.

895.636 C109T/M.0176702 - M.0176703; MP.0036701 - MP.0036702

271. *Câu chuyện về người lính xe tăng*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 290tr.; 21cm.

895.92234 C125C/M.0176820 - M.0176821; MP.0036808 - MP.0036809

272. *Cây Mạ Ly huyền bí*: Tập truyện ngắn/ *Thiên Sơn*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 197tr.; 21cm.

895.92234

C126M/M.0177525 - M.0177526; MP.0037428 - MP.0037429

273. *Chạy nhảy trên dây điện*: Truyện dài/ *Lê Đắc Hoàng Hựu*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 157tr.; 20cm.

895.92234

Ch112N/M.0177541 - M.0177542; MP.0037444 - MP.0037445

274. *Chúng con chiến đấu cho người sống mãi Việt Nam ơi*: Tuyển tập thơ/ *Lương Minh Cừ tuyển chọn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 224tr.; 21cm.

895.92214

Ch513C/LC.0015587; M.0176644 - M.0176645; MP.0036644

- MP.0036645

275. *Chúng ta*: Tiểu thuyết/ *Tân Di Ổ; Hàn Vũ Phi dịch*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020; 20cm. T.1. - 389tr.

895.136

Ch513T/M.0176724 - M.0176725; MP.0036722 - MP.0036723

T.2. - 357tr.

895.136

Ch513T/M.0176722 - M.0176723; MP.0036720 - MP.0036721

276. *Chuyện đi tìm đồng đội*: Những chuyện kể về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào trong các thời kỳ chiến tranh. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 203tr.; 21cm.

895.922840308

Ch527Đ/LC.0015342 - LC.0015343

277. *Cổ*: Tập truyện ngắn/ *Ngô Diệu Hằng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 182tr.; 19cm.

895.92234

C400/LC.0015362 - LC.0015363

278. *Cổ vĩnh hằng*: Trường ca - Thơ/ *Nguyễn Trọng Văn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 151tr.; 19cm.

895.92214

C400V/LC.0015779 - LC.0015780; M.0177828 - M.0177829;

MP.0037715 - MP.0037716

279. *Con của đảo*: Tiểu thuyết/ *Trương Thị Thương Huyền*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 183tr.; 21cm.

895.92234

C429C/LC.0015386 - LC.0015387; M.0177333 - M.0177334 -

M.0177335; MP.0037234 - MP.0037235

280. *Còn sống, còn nhớ*: Ký ức về Liệt sĩ Nguyễn Viết Quý đã hy sinh anh dũng trên chiến trường Điện Biên Phủ ngày 28-3-1954/ *Phạm Quang Đẩu*. - H.: Văn học, 2020. - 218tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

895.9228403

C429S/M.0177224 - M.0177225; MP.0037125 - MP.0037126;

VN.0082004 - VN.0082005

281. *Cô bé ngủ trên dây điện*: Truyện dài/ *Lê Đắc Hoàng Hựu*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 167tr.; 20cm.

895.92234

C450B/M.0177537 - M.0177538; MP.0037440 - MP.0037441

- 282. *Cô độc*:** Tiểu thuyết/ *Uông Triều*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 288tr.; 20cm.
895.92234 C450Đ/M.0176720 - M.0176721; MP.0036718 - MP.0036719
- 283. *Cơ hội của chúa*:** Tiểu thuyết/ *Nguyễn Việt Hà*. - In lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 525tr.; 20cm.
895.92234 Ph110H/M.0177366 - M.0177367; MP.0037251 - MP.0037252
- 284. *Đọc ngang vịnh biển*:** *Phạm Ngọc Chiêu*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 270tr.; 19cm.
895.92234 D419N/M.0176800 - M.0176801; MP.0036789 - MP.0036790
- 285. *Dòng sông thơm hương cỏ xương bồ*:** Trường ca/ *Châu La Việt*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 112tr.; 19cm.
895.922134 D431S/LC.0015607 - LC.0015608; M.0177826 - M.0177827;
MP.0037713 - MP.0037714
- 286. *Đài tiếng nói Việt Nam*:** Thơ và nhạc. - H.: Văn học, 2020. - 379tr.; 21cm.
895.9221008 Đ103T/M.0177357 - M.0177358
- 287. *Đằng sau ánh hào quang quân giới*:** Phóng sự - Ghi chép. - H.: Thông tin và truyền thông, 2021. - 275tr.; 21cm.
895.9228403 Đ116S/LC.0015748 - LC.0015749; M.0177443 - M.0177444;
MP.0037357; VN.0082142 - VN.0082143
- 288. *Đêm trắng giữa rừng xanh*:** *Phan Nguyệt*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 245tr.; 19cm.
895.92234 Đ253T/M.0176792 - M.0176793; MP.0036782 - MP.0036783
- 289. *Đừng cúi đầu mà khóc, hãy ngẩng đầu mà đi*:** *Lư Tư Hạo; Tú Phương dịch*. - H.: Phụ nữ, 2020. - 308tr.; 20cm.
895.136 Đ556C/M.0176704 - M.0176705; MP.0036703 - MP.0036704
- 290. *Đường tôi đi*:** Hồi ức/ *Nguyễn Xuân Sang*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 163tr.; 18cm.
895.9228403 Đ561T/LC.0015502; M.0177475 - M.0177476; MP.0037384 - MP.0037385
- 291. *Em đứng trên cầu đợi anh*:** Tạp bút/ *Tô Kiều Thẩm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 208tr.; 19cm.
895.9228408 E202Đ/LC.0015588 - LC.0015589; M.176256 - M.176257;
MP.0036284 - MP.0036285
- 292. *Giả như ngày tháng ấy có người hiểu tôi*:** Tản văn/ *Lê Nguyễn Nhật Linh*. - In lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 221tr.; 20cm.
895.9228408 Gi-100N/M.0177376 - M.0177377; MP.0037261 - MP.0037262

293. *Giáp mặt*: Tiểu thuyết/ *Phạm Thanh Khương*. - Tái bản có sửa chữa. - H.: Công an nhân dân, 2021. - 207tr.; 21cm.

895.92234 Gi-109M/M.0176822 - M.0176823; MP.0036810 - MP.0036811

294. *Giấu mình giữa biển người bao la*: *Độc Mộc Châu; Phi Tường dịch*. - H.: Văn học, 2020. - 375tr.; 20cm.

895.136 Gi-125M/M.0176728 - M.0176729; MP.0036726 - MP.0036727

295. *Giữa khu rừng thiêng*: Tập truyện ký. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 192tr.; 19cm.

895.9228403 Gi-551K/LC.0015605 - LC.0015606; M.0176648 - M.0176649; MP.0036650 - MP.0036651

296. *Gót sen ba tác*: Tiểu thuyết/ *Phùng Kế Tài; Phạm Tú Châu dịch*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 273tr.; 20cm.

895.1352 G435S/M.0176718 - M.0176719; MP.0036716 - MP.0036717

297. *Gương mặt bán đạo*: Tập truyện ngắn/ *Trần Minh Hợp*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 167tr.; 19cm.

895.92234 G561M/M.0177551 - M.0177552; MP.0037454 - MP.0037455

298. *Hà Nội nghìn thang ký ức*: Ký sự/ *Nguyễn Văn Học*. - H.: Dân Trí, 2020. - 212tr.; 21cm.

895.9228403 H100N/M.0177281 - M.0177282; MP.0037167 - MP.0037168

299. *Hà Nội trong mắt thơ*: Thi tuyển. - H.: Văn học, 2020. - 535tr.; 21cm.

895.92214 H100N/M.0177351 - M.0177352

300. *Hạt vía thiêng*: Tập truyện ngắn/ *Kiều Duy Khánh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 195tr.; 19cm.

895.92234 H110V/LC.0015786 - LC.0015787; M.0177408 - M.0177409 - M.0177410; MP.0037291 - MP.0037292

301. *Hồi ức Đoàn bay MiG-21 Khóa 3*: *Nguyễn Công Huy*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 239tr.; 19cm.

895.9228403 H452U/LC.0015781 - LC.0015782; M.0177469 - M.0177470; MP.0037379; VN.0082162 - VN.0082163

302. *Hun hút đường quê*: Tập truyện ngắn/ *Nông Quang Khiêm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 160tr.; 19cm.

895.92234 H512H/LC.0015592

303. *Hương bồ kết*: Tập truyện ngắn/ *Trần Đình Vinh*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 239tr.; 19cm.

895.92234 H561B/M.0176931 - M.0176932; MP.0036907 - MP.0036908

304. *Hương quê*: Thơ/ *Nguyễn Thanh Ry (Hồng Quang)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 273tr.; 21cm.

895.92214 H561Q/LC 14131 - LC 14132; M.0177330

305. *Hương quê Tam Hiệp - Quyển số 26*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 152tr.; 21cm.

895.9221008 H561Q/LC.0015584

306. *Ký ức thời hoa lửa*/ *Phạm Việt Hùng (Sáu Hùng)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 215tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

895.9228403 K600U/LC.0015523; M.0177455 - M.0177456; MP.0037366; VN.0082148 - VN.0082149

307. *Láng giềng*: Tiểu thuyết/ *Thăng Sắc*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 287tr.; 21cm.

895.92234 L106G/M.0177283 - M.0177284; MP.0037169 - MP.0037170

308. *Linh Sơn tử chiến*/ *Phan Thái*. - H.: Văn học, 2020. - 270tr.; 19cm.

895.92234 L312S/M.0176796 - M.0176797; MP.0036786 - MP.0036787

309. *Mùa hoa nắng*: Tập truyện ngắn/ *Trần Bảo Định*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 321tr.; 20cm.

895.92234 M501H/M.0177535 - M.0177536; MP.0037438 - MP.0037439

310. *Nè cô bé, đừng ngồi trên cửa sổ*: Truyện dài/ *Lê Đắc Hoàng Hựu*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 143tr.; 20cm.

895.92234 N200C/M.0177539 - M.0177540; MP.0037442 - MP.0037443

311. *Ngày trở lại*: Bút ký/ *Thanh Quế*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 170tr.; 21cm.

895.9228403 Ng112T/LC.0015348 - LC.0015349; M.176056 - M.176057; MP.0036130 - MP.0036131

312. *Ngược chiều thiên di*: Tập văn/ *Hoàng Khánh Duy*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 150tr.; 21cm.

895.9228408 Ng557C/M.0177543 - M.0177544; MP.0037446 - MP.0037447

313. *Người Tịnh Khê*: Truyện ký thời bom đạn/ *Mã Thiện Đồng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 282tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

895.92283403 Ng558T/LC.0015686 - LC.0015687; M.176246 - M.176247; MP.0036275; VN.0081558 - VN.0081559

314. *Người xứ Thanh*: Bút ký/ *Lê Tuấn Lộc*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 299tr.; 21cm.

895.9228403 Ng558X/LC.0015352 - LC.0015353

315. Nhà viết kịch Nguyễn Trung Phong: Tác giả - Tác phẩm. - H.: Văn học, 2020. - 654tr.; 21cm.

895.922234 Nh100V/M.0177355 - M.0177356

316. Như tôi đã sống: Hồi ký/ *Nguyễn Đăng Giáp*. - Tái bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 60.tr.; 24cm.

895.9228403 Nh550T/LCV.0002365 - LCV.0002366; M.0176893 - M.0176894; VV.0018253 - VV.0018254

317. Những giọt nước mắt. - H.: Dân trí, 2021. - 286tr.; 21cm.

895.9228408 Nh556G/M.0176913 - M.0176914; MP.0036894 - MP.0036895

318. Những lá cờ và đôi mắt Trường Sa: Bút ký - Tản văn/ *Nguyễn Hữu Quý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 227tr.; 19cm.

895.9228408 Nh556L/LC.0015777 - LC.0015778; M.0177425 - M.0177426; MP.0037309 - MP.0037310

319. Những mạch nguồn chảy mãi: Bút ký, tản văn/ *Nguyễn Thế Lượm*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 207tr.; 21cm.

895.9228408 Nh556M/M.0176911 - M.0176912; MP.0036892 - MP.0036893

320. Những nẻo đường tự sự/ Dương Thị Ánh Tuyết. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 230tr.; 24cm.

895.92209 Nh556N/M.176491 - M.176492; MP.0036502 - MP.0036503

321. Những trái tim thấp lửa: Phóng sự - Bút ký/ *Trịnh Văn Dũng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 240tr.; 19cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

895.9228403 Nh556T/LC.0015580 - LC.0015581; M.176072 - M.176073; MP.0036142; VN.0081447 - VN.0081448

322. Những truyện ngắn/ Bảo Ninh. - In lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 567tr.; 20cm.

895.92234 Nh556T/M.0177362 - M.0177363; MP.0037247 - MP.0037248

323. Nơi không có hoa đào: Tập truyện ngắn. - H.: Hồng Đức, 2021. - 189tr.; 21cm.

895.92234 N462K/M.0176909 - M.0176910; MP.0036890 - MP.0036891

324. Nửa đời tìm kiếm: Tiểu thuyết/ *Trần Văn Tuấn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 240tr.; 21cm.

895.922334 N551Đ/LC.0015560 - LC.0015561; M.0176640 - M.0176641; MP.0036641 - MP.0036642

325. *Nước mắt đàn ông*: Tiểu thuyết/ *Võ Thị Kim Liên*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 291tr.; 21cm.

895.92234 N557M/M.0176814 - M.0176815; MP.0036802 - MP.0036803

326. *Rừng hện*: Tiểu thuyết/ *Hà Đình Cẩn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.

895.92234 R556H/LC.0015443 - LC.0015444

327. *Rừng lân tinh*: Tiểu thuyết/ *Trịnh Thanh Phong*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 284tr.; 21cm.

**895.922334 R556L/LC.0015558 - LC.0015559; M.0177822 - M.0177823;
MP.0037711; VN.0082382 - VN.0082383**

328. *Sống và viết*: Tự truyện/ *Nguyễn Duy Tường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 544tr.; 22cm.

**895.92234 S455V/LC.0015162 - LC.0015163; M.0177411 - M.0177412;
MP.0037293 - MP.0037294**

329. *Thầy thuốc hỏa tuyến*: Tập truyện ký/ *Tạ Lưu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 152tr.; 21cm.

**895.9228403 Th126T/LC.0015990; M.0177453 - M.0177454; MP.0037364 -
MP.0037365**

330. *Tiệc rằng mình chẳng đợi được nhau*: *Khải Vệ*. - H.: Phụ nữ, 2020. - 220tr.; 20cm.

895.9228408 T303R/M.0176748 - M.0176749; MP.0036746 - MP.0036747

331. *Tiếng động đêm rừng vầu*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Công Hảo*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 187tr.; 19cm.

**895.92234 T306Đ/LC.0015539 - LC.0015540; M.0177465 - M.0177466;
MP.0037376 - MP.0037377**

332. *Tiếng thời gian*: Thi tuyển. - H.: Văn học, 2020. - 499tr.; 21cm.

895.9221008 T306T/M.0177349 - M.0177350

333. *Tình người*: Thơ/ *Bùi Huy Cầu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 96tr.; 19cm.

**895.92214 T312N/LC.0015609; M.0177830 - M.0177831; MP.0037719 -
MP.0037720**

334. *Trái lòng*: Bút ký/ *Trần Nguyễn Anh*. - H.: Văn học, 2021. - 201tr.; 21cm.

895.9228403 Tr103L/M.0176812 - M.0176813; MP.0036800 - MP.0036801

335. *Trên núi Tuk-Cot*: Tập truyện ngắn/ *Hồ Kiên Giang*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 227tr.; 19cm.

**895.92234 Tr254N/LC.0015783; M.0177473 - M.0177474; MP.0037382 -
MP.0037383**

336. *Triền đời lồng gió*: Tập truyện ngắn/ *Đào Thái Sơn*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 158tr.; 21cm.

895.92234 Tr305Đ/M.0177547 - M.0177548; MP.0037450 - MP.0037451

337. *Trò đùa xuyên thế kỷ*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 254tr.; 19cm.

895.9228408 Tr400Đ/M.0177287 - M.0177288; MP.0037173 - MP.0037174

338. *Trộn khúc quân hành*/ Nguyễn Trần Hiếu. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 177tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

895.9228403 Tr429K/LC.0015522; M.0177457 - M.0177458; MP.0037367; VN.0082150 - VN.0082151

339. *Trữ lượng cảm xúc, trữ lượng của tâm hồn*/ Nguyễn Trọng Hoàn. - H.: Văn học, 2020. - 325tr.; 21cm.

895.92213409 Tr550L/M.0177353 - M.0177354

340. *Trưởng thành từ người lính*: Truyện ký/ *Phan Vĩnh Điền*. - H.: Thanh niên, 2021. - 230tr.; 19cm.

895.9228403 Tr561T/M.0176794 - M.0176795; MP.0036784 - MP.0036785

341. *Tuyển tập tác phẩm hay và đoạt giải cuộc thi: Truyện ngắn Lửa Mới Văn nghệ Quân đội 2018 - 2019*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 572tr.; 23cm.

895.92234 T527T/M.0177275 - M.0177276; MP.0037163 - MP.0037164

342. *Vũ Bão tuyển tập*. - H.: Văn học, 2020. - 995tr.; 21cm.

T.1

895.92234 V500B/M.0177347 - M.0177348

900 - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

343. *Adolf Hitler: Chân dung một trùm phát xít*/ John Toland; Ng.dịch: Nguyễn Hiền Thu, Nguyễn Hồng Hải. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 1190tr.; 24cm.

943.086092 A102H/M.0177254 - M.0177255; V.0017143 - V.0017144; VV.0018298 - VV.0018299

344. *75 câu chuyện tiểu sử truyền cảm hứng*/ Larry Anderson; Nguyễn Ngoan dịch. - H.: Thanh niên, 2021. - 199tr.; 21cm.

920 B112M/M.0176917 - M.0176918; MP.0036898 - MP.0036899

345. *Thế giới 100 năm (1920 - 2020)*: Sách tham khảo/ *Nguyễn Đăng Song*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 231tr.; 21cm.

Sách cấp phát toàn quân

**909.8 Th250G/LC.0015762 - LC.0015763; M.0177798 - M.0177799;
MP.0037694 - MP.0037695**

950 – Lịch sử châu Á

346. *Bác Hồ - Cây đại thọ/ Đoàn Minh Tuấn.* - In lần 5. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2019. - 166tr.; 21cm.. - (Di sản Hồ Chí Minh)

**959.704092 B101H/M.0176870 - M.0176871; MP.0036848 - MP.0036849;
VN.0081817 - VN.0081818**

347. *Bác Hồ với các kỳ Đại hội Đảng/ Hà Minh Hồng chủ biên, Trần Thuận, Lưu Văn Quyết.* - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2020. - 83tr.; 16cm.. - (Di sản Hồ Chí Minh)

**959.704092 B101H/M.0176862 - M.0176863; MP.0036840 - MP.0036841;
VN.0081809 - VN.0081810**

348. *Bão lửa cầu vồng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 175tr.; 21cm.

959.704 B108L/LC.0015351

349. *Cách mạng Campuchia và sự hợp tác, giúp đỡ của Việt Nam giai đoạn 1989 - 1999: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Nguyễn Chí Vịnh, Phạm Quang Minh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 351tr.; 21cm.

959.604 C102M/LC.0015344 - LC.0015345

350. *Chuyện những người An Nam ở Paris: Hay sự thật về Đông Dương/ Phan Văn Trường.* - ĐN: Đà Nẵng, 2020. - 253tr.; 24cm.

**959.7 Ch527N/M.0177264 - M.0177265; MP.0037153 - MP.0037154;
VV.0018306 - VV.0018307**

351. *Chuyện xưa và những điều còn ít biết/ Nguyễn Ninh.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 300tr.; 21cm.

**959.7 Ch527X/M.0176929 - M.0176930; MP.0036905 - MP.0036906;
VN.0081858 - VN.0081859**

352. *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh/ Mai Văn Bộ.* - In lần thứ 13. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 419tr.; 21cm.

**959.704092 C429Đ/M.0176886 - M.0176887; MP.0036855 - MP.0036856;
VN.0081819 - VN.0081820**

353. *Cù Lao Ré - Quê hương của đội Hoàng Sa (Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ*

XIX): Sách chuyên khảo/ *Dương Hà Hiếu*. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 313tr.; 24cm.

959.753 C500L/M.176487 - M.176488; MP.0036498 - MP.0036499;
VV.0018094 - VV.0018095

354. *Dấu ấn thượng châu thổ/ Vĩnh Thông*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 230tr.; 21cm.

959.78 D125Â/M.0177545 - M.0177546; MP.0037448 - MP.0037449;
VN.0082178 - VN.0082179

355. *Di chúc Bác Hồ như một cảm nang thần kỳ/ Chu Đức Tính*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 211tr.; 21cm.

959.704092 D300C/LC.0015356 - LC.0015357; M.0176951 - M.0176952;
MP.0036921; VN.0081880 - VN.0081881

356. *Đà Lạt, những cuộc gặp gỡ: Con người và đô thị Đà Lạt 1899 - 1975: Biên khảo/ Nguyễn Vĩnh Nguyên*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 339tr.; 23cm.

959.769 Đ100L/M.0177343 - M.0177344; MP.0037242; VV.0018343 -
VV.0018344

357. *Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Từ người thầy dạy sử tới vị Đại tướng viết nên lịch sử: Sách kỷ niệm 75 năm Cách mạng tháng Tám/ Ánh Dương chủ biên, Lương Khoa*. - H.: Thanh niên, 2020. - 201tr.; 21cm.

959.704092 Đ103T/M.0176927 - M.0176928; MP.0036904; VN.0081856 -
VN.0081857

358. *Địa chí Vĩnh Long*. - H.: Chính trị quốc gia, 2017; 30cm.

T.1. - 751tr.

959.787 Đ301C/VV.0018263 - VV.0018264

T.2. - 767tr.

959.787 Đ301C/VV.0018265 - VV.0018266

359. *200 năm phong trào Tây Sơn*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 264tr.; 24cm.

959.7028 H103T/M.0177289 - M.0177290; MP.0037175 - MP.0037176;
VV.0018308 - VV.0018309

360. *Hoàng đế Lê Thánh Tông - Câu chuyện giai thoại/ Lê Thái Dũng biên soạn*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 195tr.; 21cm.

959.7026092 H407Đ/M.0176804 - M.0176805; MP.0036793 - MP.0036794

361. *Hơn cả tượng đài/ Mạc Thành Chi biên soạn*. - H.: Dân trí, 2021; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

T.1. - 227tr.

959.70099 H464C/M.0176925 - M.0176926; MP.0036903; VN.0081854 -
VN.0081855

- T.2. - 211tr.
959.70099 H464C/M.0176923 - M.0176924; MP.0036902; VN.0081852 - VN.0081853
- 362. *Hùng Vương Thánh tổ ngọc phả***: Suru khảo. - H.: Dân Trí, 2020. - 239tr.; 23cm.
959.7012 H513V/M.0177277 - M.0177278; VV.0018312 - VV.0018313
- 363. *Hướng Đông Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử***: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 771tr.; 24cm.
959.7043 H561Đ/LCV.0002460 - LCV.0002461; M.0177764 - M.0177765; MP.0037620; VV.0018508 - VV.0018509
- 364. *Ký ức chiến tranh/ Nguyễn Xuân Giá chủ biên***. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 283tr.; 21cm.
T.5
959.704 K600U/LC.0015708 - LC.0015709; M.0176895 - M.0176896; MP.0036868; VN.0081825 - VN.0081826
- 365. *Kỷ vật kháng chiến***. - H.: Quân đội nhân dân, 2019; 21cm.
T.10. - 198tr.
959.704 K600V/LC.0015675 - LC.0015676; M.174284 - M.174285 - M.174286; VN.0080909 - VN.0080910
- T.11. - 187tr.
959.704 K600V/LC.0015445 - LC.0015446; M.0176941 - M.0176942; MP.0036915; VN.0081872 - VN.0081873
- 366. *Lê Triều - Huyền sử và Giai thoại***: Sách tham khảo/ *Biên soạn: Lê Ngọc, DSC*. - H.: Dân trí, 2020. - 459tr.; 20cm.
959.7026 L250T/M.0176710 - M.0176711; MP.0036709; VN.0081752 - VN.0081753
- 367. *Lịch sử chiến tranh du kích ở miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)***/ Lê Quang Lạng, Nguyễn Huy Thực,.... - H.: Quân đội nhân dân, 2020; 21cm.
T.1: 1954 - 1965
959.7403 L302S/M.0177434 - M.0177435 - M.0177436; MP.0037349 - MP.0037350; VN.0081483 - VN.0081484
- 368. *Loanh quanh Sài Gòn/ Lê Công Sơn***. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 395tr.; 21cm.
959.779 L408Q/M.0177477 - M.0177478; VN.0082164 - VN.0082165
- 369. *Lý Quang Diệu - Những điều tôi biết/ Chin Kah Chong; Bích Phương dịch***. - H.: Hồng Đức, 2019. - 659tr.; 24cm.

959.57051092 L600Q/M.176477 - M.176478; VV.0018084 - VV.0018085

370. *Nam Bộ kháng chiến - Ý chí bảo vệ độc lập, tự do và bài học lịch sử*: Kỷ yếu Hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 967tr.; 24cm.

959.7704 N104B/LCV.0002361 - LCV.0002362; M.0176891 - M.0176892; VV.0018251 - VV.0018252

371. *Nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử cách mạng ATK ở các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn*: Sách chuyên khảo/ Hà Thúy Mai. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 171tr.; 21cm.

959.7 N122C/LC.0015758 - LC.0015759; M.0177800 - M.0177801; MP.0037696; VN.0082362 - VN.0082363

372. *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước/ Hoàng Thanh Đạm*. - In lần 3. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 237tr.; 21cm.. - (Di sản Hồ Chí Minh)

959.704092 Ng527A/M.0176866 - M.0176867; MP.0036844 - MP.0036845; VN.0081813 - VN.0081814

373. *Nguyễn Tri Phương/ Đào Đăng Vỹ*. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 331tr.; 21cm.

959.7029092 Ng527T/M.0177517 - M.0177518; MP.0037422 - MP.0037423; VN.0082174 - VN.0082175

374. *Người Việt với biển/ Nguyễn Văn Kim chủ biên*. - H.: Thế giới, 2020. - 658tr.; 24cm.

959.7 Ng558V/M.0177258 - M.0177259; VV.0018300 - VV.0018301

375. *Những năm tháng không thể nào quên/ Võ Nguyên Giáp*. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2019. - 409tr.; 21cm.. - (Di sản Hồ Chí Minh)

959.704092 Nh556N/M.0176864 - M.0176865; MP.0036842 - MP.0036843; VN.0081811 - VN.0081812

376. *Sài Gòn một thuở "Dân Ông Tạ đó!"*/ Cù Mai Công. - In lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 172tr.; 20cm.

959.779 S103G/M.0177380 - M.0177381; MP.0037265 - MP.0037266

377. *Tại sao Việt Nam đánh thắng B-52?: Những chuyện bây giờ mới kể/ Phan Thu*. - H.: Nxb. Trẻ, 2020. - 222tr.; 21cm.

959.7043 T103S/M.0177232 - M.0177233; MP.0037133 - MP.0037134; VN.0082008 - VN.0082009

378. *Thiên Hộ Dương trong phong trào vũ trang kháng Pháp nửa cuối thế kỷ XIX/ Biên soạn: Nguyễn Thành Thanh, Nguyễn Văn Thiện*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 69tr.; 21cm.

959.7029092 Th305H/LC.0015441 - LC.0015442; M.175574 - M.175575; MP.0035762; VN.0081250 - VN.0081251

379. Thời đại Lý Quang Diệu/ Thái Dụ Lâm; Bích Phương dịch. - H.: Dân trí, 2019. - 443tr.; 24cm.

959.57051092 Th462Đ/M.176479 - M.176480; VV.0018086 - VV.0018087

380. Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng: Hồi ức/ Võ Nguyên Giáp. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 366tr.; 21cm.

Sách viết về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng

959.7043 T455H/LC.0015679

381. Trận đánh lịch sử. - H.: Hồng Đức, 2021. - 295tr.; 21cm.

959.7 Tr121Đ/M.0176802 - M.0176803; MP.0036791 - MP.0036792

382. Tuyển tập truyện, ký về Hồ Chí Minh/ Sơn Tùng. - H.: Văn học, 2020. - 895tr.; 21cm.

Q.2 : Bút sen xanh, Bông sen vàng, Trái tim quả đất

959.7043092 T527T/VN.0082054 - VN.0082055

383. Từ điển địa chí Vĩnh Long. - H.: Chính trị quốc gia, 2017. - 699tr.; 30cm.

959.787003 T550Đ/VV.0018267 - VV.0018268

384. Tư tưởng yêu nước Việt Nam thời kỳ phong kiến độc lập (938 - 1884): Sách chuyên khảo/ Lê Thị Lan chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 338tr.; 21cm.

959.702 T550T/M.0177230 - M.0177231; MP.0037131 - MP.0037132; VN.0082006 - VN.0082007

385. Việt Sử Đại Toàn/ Mai Đăng Đệ. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 364tr.; 24cm.

959.70099 V308S/M.0176700 - M.0176701; MP.0036700; VV.0018213 - VV.0018214

386. Vua Gia Long/ Marcel Gaultier; Đỗ Hữu Thanh dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 209tr.; 24cm.

959.7029092 V501G/M.0177262 - M.0177263; MP.0037151 - MP.0037152; VV.0018304 - VV.0018305

PHẦN II: ĐIỀM SÁCH

1. Dịch bệnh: Kẻ thù nguy hiểm nhất: Cuộc chiến chống lại những mầm bệnh chết người/ Michael T. Osterholm, Mark Olshaker; Đặng Chí Dũng dịch. - H.: Dân trí, 2020. - 406tr.; 23cm.

614.4 D302B/M.0177307 - M.0177308; MP.0037184, MP.0037240; VV.0018326 - VV.0018327

Cả thế giới đang trải qua những ngày bàng hoàng, lung túng với sự xuất hiện của đại dịch Covid-19. Chúng ta sẽ còn ngạc nhiên hơn khi đại dịch này đã được tác giả Michael T. Osterholm và Mark Olshaker dự báo trước trong tác phẩm “*Dịch bệnh: Kẻ thù nguy hiểm nhất*” từ năm 2017.

Cuốn sách bao gồm 21 chương, được trình bày khá tóm tắt nhưng giải thích chi tiết, rõ ràng từng nội dung được đề cập đến, cung cấp cho độc giả những thông tin cụ thể về những mầm bệnh nguy hiểm nhất như sốt rét, lao, HIV, Ebola, SARS, MERS... và nhất là mối quan tâm lớn nhất hiện nay không chỉ ở Việt Nam mà cả trên toàn thế giới - Đại dịch COVID -19.

Sách giúp độc giả giải đáp được những thắc mắc về nguồn gốc của chúng từ đâu? Chúng lây lan như thế nào? Và tác hại của mầm bệnh đối với con người ra sao? Không chỉ dừng ở những căn bệnh đơn lẻ, cuốn sách còn soi chiếu các vấn đề bức thiết như phát triển Vắc - xin, kháng thuốc và ứng phó với đại dịch dưới góc nhìn của y tế công cộng.

“*Dịch bệnh: Kẻ thù nguy hiểm nhất*” đem đến cho độc giả cái nhìn toàn diện về các mầm bệnh xung quanh con người, từ đó mỗi cá nhân trang bị cho mình những kiến thức để phòng, tránh, chữa trị đạt hiệu quả nhất trong tình hình dịch COVID -19 đang hoành hành như hiện nay.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới/ Lương Cường. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 1148tr.; 24cm.

355.009597 N122C/LCV.0002363 - LCV.0002364; M.176396 - M.176397 - M.176398; MP.0036417 - MP.0036418 - MP.0036419; VV.0018020 - VV.0018021 - VV.0018022 - VV.0018023

Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị thực chất là giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc cho quân đội, đảm bảo cho quân đội luôn là lực lượng chính trị tin cậy, lực lượng chiến đấu tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; là quân đội cách mạng từ nhân dân mà ra, vì Tổ quốc phụng sự, vì nhân dân phục vụ. Để làm được điều đó, Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc Phòng, Tổng cục Chính trị và cấp ủy, chỉ huy các cấp đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch và hướng dẫn nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội; phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị, làm cho công tác này thực sự trở thành “linh hồn, mạch sống” của quân đội.

Nhận thức rõ sự cần thiết phải tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác đảng, công tác chính trị, trong bối cảnh tình hình mới; bổ sung thêm tài liệu giáo dục chính trị, học tập, nghiên cứu, phát triển tư duy lý luận chính trị, quân sự, thống nhất nhận thức và hành động cho cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân; đồng thời truyền tải thông điệp, quan điểm, tư tưởng và sự chỉ đạo, định hướng nhận thức chính

trị của đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, khóa XII (nay là Ủy viên Bộ Chính trị, khóa XIII), Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đến toàn thể bạn đọc là cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, Ban biên soạn cuốn sách đã phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị và Nhà xuất bản Quân đội nhân dân sưu tầm, tuyển chọn, biên tập 101 bài viết, bài nói tiêu biểu của Đại tướng Lương Cường đã được công bố trên các báo, tạp chí, hội thảo khoa học, hội nghị cán bộ... để xuất bản cuốn sách: “Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới”.

Sách tập hợp các bài nói, bài viết của Đại tướng, được sắp xếp theo chủ đề và trình bày các nội dung hoạt động công tác đảng, công tác chính trị theo các mục, phù hợp với trình tự thời gian nhằm thể hiện rõ nhất sự nhất quán về tư duy logic, sự biểu đạt mối quan hệ, liên hệ giữa các mục và vấn đề nghiên cứu với diễn tiến các sự kiện chính trị của Đảng, của quân đội và của dân tộc. Được chia thành 4 phần:

Phần 1: Giữ vững định hướng chính trị trong hoạt động công tác đảng, công tác chính trị.

Phần 2: Hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của quân đội.

Phần 3: Hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong giữ vững và phát huy phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ".

Phần 4: Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong tình hình mới.

3. Lịch sử Quốc hội Việt Nam/ Lê Mậu Hãn chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2016; 24cm

Trong Bộ máy nhà nước ta Quốc hội là cơ quan Đại biểu cao nhất của nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của nhà nước.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Ngày 6/1/1946, bằng tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu, nhân dân ta đã sáng suốt lựa chọn những người tiêu biểu nhất, đại diện cho ý chí và trí tuệ của dân tộc, bầu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Ngoài 333 đại biểu nhân dân cử ra, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt lúc bấy giờ, thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc, gạt bỏ mũi nhọn tiến công của kẻ thù, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quốc hội còn mở rộng thêm 70 ghế dành cho Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) không qua bầu cử.

Để ghi nhận quá trình ra đời, phát triển và đóng góp to lớn của Quốc hội Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng, đầu những năm 1990, Văn phòng Quốc hội đã chủ trì mời PGS. NGND Lê Mậu Hãn và các cộng sự nghiên cứu, biên soạn bộ “*Lịch sử Quốc hội Việt Nam*”. Bộ “*Lịch sử Quốc hội Việt Nam*”, gồm 4 tập, được Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật phối hợp với Văn phòng Quốc hội lần lượt xuất bản vào các năm 1994, 2003, 2012, 2015 và mới chủ yếu phát hành trong Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

T.1: 1946 - 1960. - 419tr.

328.597 L302S/M.0177053 - M.0177054; V 15321 - V 15322

Giới thiệu về lịch sử ra đời, tổ chức, hoạt động của Quốc hội Việt Nam từ Quốc dân đại hội Tân Trào, trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc (1946 - 1954), những năm đầu xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954-1960).

T.2: 1960 - 1976. - 535tr.

328.597 L302S/M.0177055 - M.0177056; V 15323 - V 15324

Giới thiệu về lịch sử phát triển, tổ chức hoạt động chủ yếu của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khóa II đến khóa V (1960 - 1976).

T.3: 1976 - 1992. - 639tr.

328.597 L302S/M.0177057 - M.0177058; V 15325 - V 15326

Giới thiệu về lịch sử phát triển, tổ chức hoạt động chủ yếu của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khóa VI đến khóa VII (1976 - 1992).

T.4: 1992 - 2011. - 895tr.

328.597 L302S/M.0177059 - M.0177060; V 15327 - V 15328

Giới thiệu về lịch sử phát triển, tổ chức hoạt động chủ yếu của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khóa IX đến khóa XII (1992-2011).

4. Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc giai đoạn 1946 - 1956.- H.: Chính trị quốc gia, 2020.; 22cm.

Việt Bắc được gọi là Thủ đô kháng chiến do đây là nơi trú đóng đầu tiên của Trung ương Đảng ta thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (sau khi Hồ Chí Minh về nước năm 1941), là cái nôi của Cách mạng Tháng Tám 1945, bảo vệ thành quả cách mạng nước ta sau khi giành độc lập và là căn cứ địa kháng chiến vững chắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Nhằm công bố các văn kiện của khu ủy, liên khu ủy và Liên khu ủy Việt Bắc, giúp độc giả có những tư liệu lịch sử xác thực để nghiên cứu về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Trung ương Đảng, Chính phủ, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của khu ủy, liên khu ủy cũng như đóng góp to lớn của nhân dân các dân tộc vùng chiến khu Việt Bắc đối với thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống thực dân Pháp và những năm đầu kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Văn phòng Trung ương Đảng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật đã hoàn thành bộ **“Văn kiện Liên khu ủy Việt Bắc giai đoạn 1946 – 1956”**, gồm 9 tập:

T.1: Khu ủy I, khu ủy X, khu ủy XII, khu ủy XIV, liên khu ủy X (1946 - 1948). - 945tr.

324.2597075V115K/M.0177074 - M.0177075; MP.0037001; VN.0081952 - VN.0081953

Giới thiệu 155 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông cáo, báo cáo, biên bản, đề án của các tổ chức tiền thân của Liên khu ủy Việt Bắc như: Khu ủy I, Khu ủy X, Khu ủy XII, Khu ủy XIV, Liên khu ủy X từ năm 1946 đến năm 1948 phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo đối với các địa phương trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.2: Liên khu ủy X (1949). - 1151tr.

324.2597075V115K/M.0176830 - M.0176831; MP.0036814; VN.0081775 - VN.0081776

Gồm 71 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông cáo, báo cáo, biên bản, đề án của Liên khu ủy X ban hành trong năm 1949 phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo đối với các địa phương trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.3: Liên khu ủy I (1948). - 827tr.

324.2597075V115K/M.0177068 - M.0177069; MP.0036998; VN.0081946 - VN.0081947

Giới thiệu 59 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông cáo, báo cáo, công văn... phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Liên khu ủy I đối với cuộc kháng chiến ở Liên khu trong năm 1949 trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.4: Liên khu ủy I (1949). - 835tr.

324.2597075V115K/M.0176832 - M.0176833; MP.0036815; VN.0081777 - VN.0081778

Giới thiệu 78 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông cáo, báo cáo, công văn... phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Liên khu ủy I đối với cuộc kháng chiến ở Liên khu trong năm 1949 trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.5: Liên khu ủy Việt Bắc (1949 - 1950). - 827tr.

324.2597075V115K/M.0176834 - M.0176835; MP.0036816; VN.0081779 - VN.0081780

Giới thiệu 150 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông cáo, báo cáo, công văn... phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Liên khu ủy Việt Bắc trong hai năm 1949 - 1950 trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.6: Liên khu ủy Việt Bắc (1951 - 1952). - 947tr.

324.2597075V115K/M.0177070 - M.0177071; MP.0036999; VN.0081948 - VN.0081949

Giới thiệu 173 tài liệu, bao gồm toàn bộ các văn kiện Đại hội đại biểu Liên khu ủy Việt Bắc I; các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, báo cáo, công văn chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc trong hai năm 1951-1952 trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.7: Liên khu ủy Việt Bắc (1953). - 805tr.

324.2597075V115K/M.0177072 - M.0177073; MP.0037000; VN.0081950 - VN.0081951

Giới thiệu 111 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông cáo, báo cáo, kế hoạch, đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành trong năm 1953 trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.8: Liên khu ủy Việt Bắc (1954). - 923tr.

324.2597075V115K/M.0177063 - M.0177064; MP.0036996; VN.0081942 - VN.0081943

Giới thiệu 146 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, quyết nghị, thông cáo, báo cáo, công văn, điện... của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành trong năm 1954 trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

T.9: Liên khu ủy Việt Bắc (1955 - 1956). - 985tr.

324.2597075V115K/M.0177066 - M.0177067; MP.0036997; VN.0081944 - VN.0081945

Giới thiệu 141 tài liệu, bao gồm các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông cáo, báo cáo, công văn, diễn văn, đề án của Liên khu ủy, Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc ban hành

trong hai năm 1955-1956 trên các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, an ninh, công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng...

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 069.554546

● **GIỜ MỞ CỬA:**

- Sáng: 7h30 – 11h30
- Chiều: 13h00 – 16h30
- Nghỉ: Chủ nhật, ngày lễ

● **PHỤC VỤ:**

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*

- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● **ĐỐI TƯỢNG:**

- **Đọc:** Rộng rãi.
- **Mượn:** Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.